

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH KẾ TOÁN

Hà Nội, năm 2022

MỤC LỤC

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH.....	1
1.1. Giới thiệu chương trình.....	1
1.2. Thông tin chung về chương trình.....	1
1.3. Triết lý đào tạo	1
1.4. Mục tiêu đào tạo.....	2
1.5. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh.....	2
1.6. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.	2
1.7. Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá.....	3
1.8. Điều kiện tốt nghiệp.....	3
1.9. Cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp.....	3
PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH.....	4
2.1. Kiến thức	4
2.2. Kỹ năng	4
2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm	5
2.4. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo của chuẩn đầu ra.....	5
PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.....	7
3.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình	7
3.2. Ma trận đáp ứng chuẩn đầu ra của các khối kiến thức.....	7
3.3. Khung chương trình	7
3.4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được Chuẩn đầu ra	70
3.5. Kế hoạch học tập dự kiến phân bố theo học kỳ	76
3.6. Mô tả nội dung và khối lượng các học phần.....	79
3.7. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình.....	95
3.8. Hướng dẫn thực hiện chương trình	109
3.9. Chương trình trong và ngoài nước đã tham khảo để xây dựng chương trình	110

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ đại học chính quy được thiết kế trên cơ sở tuân thủ các quy định, hướng dẫn của Bộ giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

Chương trình đào tạo ngành Kế toán được thiết kế theo hướng tiếp cận năng lực, đào tạo theo hướng kết hợp lý thuyết và thực hành phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội, nhằm đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe tốt, nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, có kỹ năng thực hành thành thạo về nghiệp vụ kế toán, kiểm toán, đủ khả năng giải quyết những vấn đề thông thường về chuyên môn kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính ở các đơn vị, đồng thời có khả năng học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong điều kiện của nền kinh tế thị trường. Sinh viên sau khi tốt nghiệp đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực chuyên môn của nhà tuyển dụng và xã hội.

Chương trình đào tạo bao gồm mục tiêu đào tạo, các chuẩn đầu ra thể hiện các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp, nội dung chi tiết chương trình đào tạo, kế hoạch thực hiện và đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo

1.2. Thông tin chung về chương trình

- Tên chương trình:
 - Tiếng Việt: **Kế toán**
 - Tiếng Anh: **Accounting**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Kế toán**
- Mã số: **7340301**
- Thời gian đào tạo: **4 năm**
- Loại hình đào tạo: **Chính quy**
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - Tiếng Việt: **Kế toán**
 - Tiếng Anh: **Accounting**
- Thời gian ban hành chương trình: **Năm 2022**
- Thời gian rà soát, sửa đổi chương trình gần nhất: **2021**
- Kiểm định chương trình: **2021**

1.3. Triết lý đào tạo

Với mục tiêu định hướng người học sau khi ra trường có khả năng lập thân, lập nghiệp, chương trình đào tạo ngành Kế toán được xây dựng trên cơ sở triết lý đào tạo: “**Thực học - Thực nghiệp**”, để nâng cao giá trị bản thân người học đối với gia đình,

cộng đồng và xã hội. Chính vì vậy, trong quá trình đào tạo, người học không chỉ được trang bị kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, được trải nghiệm thực tế cùng với đội ngũ giảng viên dày dặn kinh nghiệm mà còn được trang bị các kỹ năng mềm, nên sau khi tốt nghiệp, người học tự tin, chủ động, sáng tạo và có khả năng tự chủ cao.

1.4. Mục tiêu đào tạo

1.4.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kế toán, kiểm toán cũng như ứng dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để thực hiện các công việc trong ngành kế toán, kiểm toán đáp ứng được nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế; đồng thời có năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm và có khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể:

a) Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, có sức khỏe tốt để phát triển sự nghiệp cá nhân và xây dựng đất nước.

b) Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị và pháp luật; Có kiến thức nền tảng về kinh tế và quản trị kinh doanh; Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu và thực tiễn về Kế toán, Kiểm toán để vận dụng giải quyết các công việc chuyên môn gắn với phát triển bền vững.

c) Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong hoạt động Kế toán, Kiểm toán.

d) Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các nội dung cơ bản trong lĩnh vực kế toán; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý những tình huống thường gặp trong hoạt động chuyên môn.

e) Có năng lực tự chủ trong công việc; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Có tinh thần trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

g) Có năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.

1.5. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

- Tiêu chí tuyển sinh: Theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội theo từng năm.

1.6. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

1.7. Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá

- Phương pháp giảng dạy, học tập được áp dụng trong chương trình học ngành Kế toán bao gồm:

- + Phương pháp thuyết trình;
- + Phương pháp phát vấn;
- + Phương pháp phân tích;
- + Phương pháp thảo luận/Semina;
- + Phương pháp tự học có hướng dẫn;
- + Phương pháp trình bày báo cáo;
- + Phương pháp tiểu luận/Bài tập lớn;
- + Phương pháp tình huống;
- + Phương pháp làm việc nhóm;
- + Phương pháp dạy học thực hành;
- + Phương pháp mô phỏng;...

- Hình thức kiểm tra đánh giá học phần trong chương trình học ngành Kế toán đa dạng và phong phú, bao gồm: Vấn đáp, tự luận, bài tập lớn, thảo luận nhóm, trắc nghiệm, bài tập, thuyết trình, thực hành và viết báo cáo.

1.8. Điều kiện tốt nghiệp

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

1.9. Cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

VT1: Nhân viên kế toán tại các bộ phận kế toán tài chính, kế toán quản trị trong các doanh nghiệp thuộc mọi ngành nghề lĩnh vực kinh doanh, đơn vị hành chính sự nghiệp, ngân hàng...

VT2: Nhân viên kiểm toán nội bộ tại bộ phận kiểm toán trong các doanh nghiệp

VT3: Trợ lý kiểm toán tại các bộ phận chuyên môn trong các công ty kiểm toán độc lập và Kiểm toán Nhà nước

VT4: Nhân viên tài chính, phân tích tài chính tại các bộ phận kế hoạch - tài chính; bộ phận phân tích kinh tế tài chính trong các doanh nghiệp

VT5: Nghiên cứu viên về kế toán, kiểm toán ở các Viện nghiên cứu; các cơ quan quản lý nhà nước

VT6: Giảng viên, trợ giảng tại các Học viện, trường Đại học và Cao đẳng..

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Kiến thức

* *Kiến thức chung:*

(2.1.1) Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị và pháp luật, công nghệ thông tin để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

* *Kiến thức chuyên môn:*

(2.1.2) Áp dụng được các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh làm cơ sở nghiên cứu các nội dung kiến thức chuyên sâu.

(2.1.3) Tổng hợp được các kiến thức nền tảng và chuyên sâu về kế toán doanh nghiệp để xử lý hiệu quả các công việc thực tế phát sinh trong lĩnh vực kế toán doanh nghiệp như: Thu thập chứng từ, ghi sổ kế toán, lập các báo cáo kế toán; Xử lý và cung cấp thông tin thuế và kế toán thuế; Thiết kế hệ thống thông tin kế toán; Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát hoạt động kế toán tại các đơn vị; Phân tích thông tin kế toán và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kế toán tại doanh nghiệp.

(2.1.4) Tổng hợp được các kiến thức chuyên sâu liên quan đến kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính để thực hiện các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính như: Thu thập, xử lý chứng từ kế toán; Đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ, phân tích cơ bản tình hình tài chính đơn vị thông qua các Báo cáo tài chính; Tham gia bộ phận kiểm toán nội bộ; Thực hiện kiểm toán môi trường, đánh giá tác động môi trường và đề xuất các giải pháp thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

2.2. Kỹ năng

* *Kỹ năng chung:*

(2.2.1) Năng lực ngoại ngữ và tin học:

- Ngoại ngữ (Tiếng Anh): Sinh viên phải đạt được một trong các điều kiện dưới đây:

+ Đạt chuẩn bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (tương đương bậc B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu) do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch

+ Đạt chuẩn bậc B1 tiếng Anh do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép hoặc tương đương theo khung tham chiếu dưới đây:

Khung tham chiếu CEFR	IELTS	TOEIC	TOEFL ITP	TOEFL CBT	TOEFL IBT	Cambridge Tests	Chuẩn Việt Nam
B1	4.5	450	450	133	45	PET	3

- Tin học: Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép.

* *Kỹ năng chuyên môn:*

(2.2.2) Nắm vững những nghiệp vụ chuyên môn về kế toán như: thu thập, tổng hợp tài liệu kế toán kiểm toán; xử lý tài liệu kế toán kiểm toán; phân tích thông tin và lập các báo cáo kế toán kiểm toán theo nhu cầu.

(2.2.3) Nắm vững được các điều luật và chuẩn mực trong lĩnh vực Kế toán – kiểm toán để giải quyết công việc hiệu quả, đúng pháp luật.

(2.2.4) Thực hiện được các bước công việc trong công tác tài chính, công tác quản trị các nghiệp vụ kinh doanh cụ thể đối với một doanh nghiệp.

(2.2.5) Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và các kỹ năng phát triển nghề nghiệp khác.

(2.2.6) Thực hiện thu thập, xử lý thông tin, sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong hoạt động Kế toán, kiểm toán.

(2.2.7) Thực hiện được kỹ năng quản lý và lãnh đạo

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

(2.3.1) Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi.

(2.3.2) Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội.

(2.3.3) Duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.

(2.3.4) Đề xuất ý tưởng kinh doanh và tổ chức hoạt động khởi nghiệp.

2.4. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo của chuẩn đầu ra

CHUẨN ĐẦU RA		MỤC TIÊU ĐÀO TẠO					
		a	b	c	d	e	g
Kiến thức	2.1.1		x				
	2.1.2		x	x	x		
	2.1.3		x	x	x		
	2.1.4		x	x	x		

CHUẨN ĐẦU RA		MỤC TIÊU ĐÀO TẠO					
		a	b	c	d	e	g
Kỹ năng	2.2.1				x		
	2.2.2		x	x			
	2.2.3		x				
	2.2.4		x	x			
	2.2.5				x		
	2.2.6		x	x			
	2.2.7		x				
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	2.3.1	x				x	
	2.3.2	x				x	
	2.3.3						x
	2.3.4						x

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

3.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình

Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy	133	Tỉ trọng (%)
Trong đó:		
- Khối kiến thức Giáo dục đại cương (Không tính các học phần GDTC, GDQP-AN)	35	26
+ <i>Bắt buộc:</i>	35	26
+ <i>Tự chọn:</i>	0	0
- Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	98	74
• Kiến thức cơ sở ngành	14	11
+ <i>Bắt buộc:</i>	14	11
+ <i>Tự chọn:</i>	0	0
• Kiến thức ngành	54	41
+ <i>Bắt buộc:</i>	39	29
+ <i>Tự chọn:</i>	15/24	11
• Kiến thức chuyên ngành	18	14
+ <i>Bắt buộc:</i>	0	0
+ <i>Tự chọn:</i>	18/33	14
• Kiến thức thực tập, khóa luận tốt nghiệp	12	9

3.2. Ma trận đáp ứng chuẩn đầu ra của các khối kiến thức

KHỐI KIẾN THỨC	CHUẨN ĐẦU RA															
	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	
- Kiến thức giáo dục đại cương	3	2	-	-	3	-	1	2	1	1	-	2	2	2	3	
- Kiến thức cơ sở ngành	1	3	2	-	-	2	1	2	1	1	2	2	2	2	-	
- Kiến thức ngành	1	1	3	2	2	3	2	2	2	3	2	2	2	3	1	
- Kiến thức chuyên ngành	1	1	2	3	-	2	2	1	2	2	1	2	2	3	1	
- Kiến thức thực tập, khóa luận tốt nghiệp	1	1	2	3	-	2	2	-	1	1	-	2	2	2	-	
- Kiến thức không tích lũy	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	2	-	-	

Mức đóng góp: nhiều (3); trung bình (2); ít (1); không (-).

3.3. Khung chương trình

Ký hiệu: - LT : Lý thuyết;

- TH, TT: Thực hành, Thực tập.

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
I	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG							

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
1	LCML101	Triết học Mác - Lênin	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+Giải thích được các vấn đề cơ bản của triết học và triết học Mác – Lênin bao gồm: Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử</p> <p>+Lấy được ví dụ minh họa cho những nội dung cụ thể trong triết học và triết học Mác – Lênin bao gồm: Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử.</p> <p>+Phân tích được những nội dung cơ bản của của triết học và triết học Mác – Lênin bao gồm: Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử</p> <p>+Vận dụng được những vấn đề lý luận của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử vào thực tiễn</p> <p>Đánh giá về một số quan điểm hoặc tình huống cụ thể trong thực tiễn trên lập trường triết học Mác-Lênin</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Hình thành kỹ năng tư duy khoa học, logic và biện chứng</p> <p>+Cải thiện kỹ năng thuyết trình, phản biện, làm việc nhóm và tự học</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tích cực và chủ động trong lĩnh hội, bảo vệ những giá trị khoa học và cách mạng của Triết học Mác-Lênin; củng cố niềm tin vào đường lối lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; phát huy tinh thần yêu nước</p>	30	15	90	
2	LCML102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+Trình bày, giải thích những kiến thức cơ bản về sản xuất hàng hóa, về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế</p>	20	10	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<p>chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</p> <p>+Phân tích, đánh giá được bản chất các phạm trù, quy luật kinh tế cơ bản trong nền sản xuất hàng hóa, trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và những vấn đề kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.</p> <p>+ Áp dụng kiến thức đã học để giải thích một số vấn đề kinh tế chính trị hiện nay.</p> <p>- Về kỹ năng: Hình thành kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; kỹ năng tư duy khoa học về kinh tế chính trị. Vận dụng kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác –Lênin trong giải quyết một số vấn đề kinh tế chính trị hiện nay.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: - Tích cực và chủ động trong học tập và rèn luyện, đề xuất được ý kiến cá nhân trong giải quyết một số vấn đề kinh tế chính trị hiện nay. - Lập trường tư tưởng vững vàng, tin tưởng vào đường lối chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước, xác định trách nhiệm của bản thân trong việc học tập và hoạt động thực tiễn.</p>				
3	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	<p>- Về kiến thức: + Giải thích được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam +Lấy được một số ví dụ trong thực tiễn để minh họa cho những vấn đề lý luận của Chủ nghĩa xã hội khoa học</p>	20	10	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<p>+ Vận dụng được một số vấn đề lý luận của Chủ nghĩa xã hội khoa học vào thực tiễn</p> <p>+ Phân tích được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác- Lênin, quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam</p> <p>+ Đánh giá được một số quan điểm hoặc tình huống cụ thể trong thực tiễn theo lý luận của Chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>- Về kỹ năng: Hình thành và phát triển kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm, tự học, thuyết trình và phản biện.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Hình thành và củng cố niềm tin vào Chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; phát huy tinh thần yêu nước và trách nhiệm đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p>				
4	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	<p>- Về kiến thức: + Trình bày, phân tích và chứng minh được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan. + Phân tích và đánh giá được sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam từ khi thành lập đến nay; vận dụng và đề xuất được ý kiến cá nhân trong giải quyết một số vấn đề hiện nay</p> <p>- Về kỹ năng: + Hình thành kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và thuyết trình; kỹ năng tư duy khoa học về lịch sử và khả năng đấu tranh, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.</p>	21	9	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<p>+Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường, biến đổi khí hậu, phát triển bền vững... theo chủ trương của Đảng</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+Lập trường tư tưởng vững vàng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng; Hành động có trách nhiệm để bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng.</p> <p>+Nhận thức và hành động đúng trong học tập và rèn luyện, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc</p>				
5	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+Trình bày, phân tích được khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>+Trình bày, phân tích được những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>+Đánh giá được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và trong xây dựng chủ nghĩa xã hội</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+Có kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; kỹ năng tư duy lý luận</p> <p>+Vận dụng được một số vấn đề lý luận trong tư tưởng Hồ Chí Minh trong học tập, cuộc sống và nghề nghiệp</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+Có phẩm chất đạo đức tốt và lối sống lành mạnh.Có lập trường chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với CNXH.</p> <p>+Có tinh thần yêu nước, tự giác, tự nguyện đóng góp sức lực và trí tuệ</p>	21	9	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				của mình trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc				
6	NNTA101	Tiếng Anh 1	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ <i>Từ vựng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được từ loại như danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, giới từ, từ để hỏi, các từ chỉ tên các nước và quốc tịch, động từ chỉ hoạt động hàng ngày, ngày tháng năm, thập kỷ và thế kỷ - Giải thích được khái niệm trạng từ tần suất, danh từ đếm được và danh từ không đếm được, - Vận dụng các từ có liên quan đến các chủ đề để đặt câu và làm bài tập về từ vựng. <p>+ <i>Ngữ pháp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được các danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, mạo từ và giới từ. - Phân biệt được cách sử dụng của các thì và cấu trúc câu ở mức độ sơ cấp. - Vận dụng các cấu trúc đã học để đặt câu, viết đoạn và làm bài tập. <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ <i>Kỹ năng đọc:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm theo hướng dẫn của GV để đọc và làm bài tập đọc hiểu. - Vận dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để hiểu nội dung của bài đọc - Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc trong bài đọc. - Phát triển nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết. <p>+ <i>Kỹ năng nghe</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm theo hướng dẫn của GV để nghe và làm bài tập. 	12	33	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các động từ, các cấu trúc để nghe kỹ hơn nội dung của bài. - Nắm vững các kỹ năng nghe để hiểu được nội dung của đoạn hội thoại hoặc đoạn văn. - Phát triển nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết. <p><i>+Kỹ năng viết</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm theo hướng dẫn của GV để đặt câu đơn, câu ghép. - Sử dụng các từ vựng và cấu trúc để thành lập câu. - Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu. - Kết hợp các câu văn để thành lập đoạn văn ngắn theo chủ đề. <p><i>+Kỹ năng nói</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm theo hướng dẫn của GV để giới thiệu bản thân và giao tiếp hàng ngày. - Sử dụng các từ vựng và cấu trúc để thành lập hội thoại ngắn. - Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc khi thành lập câu, đoạn. <p>Kết hợp các câu ngắn để thành lập 1 đoạn văn nói về chủ đề được giao trong bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <p>+ Nhận thức được tầm quan trọng của môn học</p> <p>+ Tích cực tham gia vào các hoạt động GV giao trên lớp</p> <p>+ Chia sẻ ý kiến, quan điểm và kiến thức với GV và các SV khác.</p> <p>+ Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau</p>				
7	NNTA102	Tiếng Anh 2	3	- Về kiến thức:	12	33	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được các từ vựng liên quan đến hoạt động giải trí, lễ hội, nghề nghiệp, ngoại hình, ước mơ, tham vọng, đặc điểm địa lý. - Phân biệt được các âm cơ bản trong tiếng Anh, các dạng câu hỏi, cụm từ chỉ thời gian, các từ vựng so sánh. - Vận dụng các từ có liên quan đến các chủ đề để đặt câu và làm bài tập về từ vựng. - Gọi tên được các danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, mạo từ và giới từ. - Giải thích được cách sử dụng của thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, động từ khuyết thiếu, câu hỏi có từ hỏi, các mẫu câu so sánh. <p>Áp dụng các cấu trúc đã học để đặt câu, viết đoạn văn và làm bài tập</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đọc và làm bài tập đọc hiểu. - Áp dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc ngữ pháp đã biết để hiểu nội dung của bài đọc. - Nắm vững các kỹ năng đọc để hiểu rõ hơn nội dung bài đọc. - Kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết. <p>+ Kỹ năng nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nghe và làm bài tập. - Vận dụng các từ vựng theo chủ đề, các cấu trúc để nghe kỹ hơn nội dung của bài. 				

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững các kỹ năng nghe để nghe hiểu được nội dung của đoạn hội thoại hoặc đoạn văn. - Kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết. + Kỹ năng viết <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đặt câu đơn, câu ghép. - Vận dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để thành lập câu. - Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu. - Kết hợp các câu văn để thành lập đoạn văn, bài văn theo chủ đề. + Kỹ năng nói <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nói về các chủ đề và giao tiếp hàng ngày. - Sử dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để thành lập hội thoại ngắn. - Nắm vững cách phát âm, nhấn trọng âm, cách sử dụng từ loại và cấu trúc khi thành lập câu, đoạn. - Phát triển các câu ngắn thành 1 đoạn văn nói về chủ đề được giao trong bài - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. + Tham gia tích cực vào các hoạt động GV giao trên lớp. + Chia sẻ kiến thức và ý kiến với GV và các SV khác. + Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau. 				
8	NNTA103	Tiếng Anh 3	2	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Từ vựng <ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được các từ vựng liên quan đến cuộc sống giữa quá 	8	22	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<p>khứ và hiện tại, sức khỏe, tai nạn, các danh từ chỉ vật thể thiết yếu, hàng ngày, các tính từ chỉ tính cách con người, danh từ chỉ nghề nghiệp, các mệnh giá tiền tệ trên thế giới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt thì quá khứ đơn với quá khứ hoàn thành, hiện tại hoàn thành với hiện tại hoàn thành tiếp diễn - Vận dụng các từ có liên quan đến các chủ đề để đặt câu và làm bài tập về từ vựng. <p>+ Ngữ pháp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên được các danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, mạo từ và giới từ. - Giải thích được cách sử dụng của cấu trúc USED TO, thì quá khứ hoàn thành và hiện tại hoàn thành, thể bị động của thì Hiện tại đơn và quá khứ đơn. - Áp dụng các cấu trúc đã học để đặt câu, viết đoạn văn và làm bài tập <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Kỹ năng đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đọc và làm bài tập đọc hiểu. - Áp dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc ngữ pháp đã biết để hiểu nội dung của bài đọc. - Nắm vững các kỹ năng đọc để hiểu rõ hơn nội dung bài đọc. - Kết hợp nội dung bài đọc thành ý tưởng trong bài nói và viết. <p>+ Kỹ năng nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để nghe và làm bài tập. - Vận dụng các từ vựng theo chủ đề, các cấu trúc để nghe kỹ hơn nội dung của bài. 				

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững các kỹ năng nghe để nghe hiểu được nội dung của đoạn hội thoại hoặc đoạn văn. - Kết hợp nội dung bài nghe thành ý tưởng của bài nói và viết. + Kỹ năng viết - Thực hiện theo hướng dẫn của GV để đặt câu đơn, câu ghép. - Vận dụng các từ vựng theo chủ đề và cấu trúc để thành lập câu. - Nắm vững cách sử dụng từ loại và cấu trúc để đặt câu. - Kết hợp các câu văn để thành lập đoạn văn, bài văn theo chủ đề - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. + Tham gia tích cực vào các hoạt động GV giao trên lớp. + Chia sẻ kiến thức và ý kiến với GV và các SV khác. + Sẵn sàng lắng nghe tiếp thu và học hỏi từ các nguồn khác nhau 				
9		Giáo dục thể chất	4	<p>Bao gồm phần bắt buộc và học phần tự chọn:</p> <p>* Phần bắt buộc (3TC)</p> <p>(1) Thể dục (1TC):</p> <p>Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản trong công tác giáo dục thể chất (nhiệm vụ và chức năng của sinh viên, các hình thức giáo dục thể chất trong trường đại học, cấu trúc cơ bản của vận động thông qua một số bài thể dục cơ bản, giúp cho SV có được tư thế tác phong nhằm chuẩn mực hóa kỹ năng vận động và nâng cao thể lực</p> <p>(2) Điền kinh 1 (1TC) và Điền kinh 2 (1TC):</p> <p>Nội dung học phần bao gồm: Các kiến thức cơ bản trong môn chạy cự</p>				

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				ly trung bình, cự ly ngắn và môn nhảy cao; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài điền kinh. (3) Phần tự chọn (1TC): SV chọn một trong các môn học sau: Bóng chuyền, Cầu lông, Bóng rổ, Bơi lội, Bóng đá, Đá cầu, Thể dục Aerobic.				
10		Giáo dục quốc phòng-an ninh	9	Bao gồm 4 học phần: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Công tác quốc phòng và an ninh; Quân sự chung; Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật				
11	LCPL101	Pháp luật đại cương	2	- Về kiến thức: + Khái quát hóa được những vấn đề nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng của nhà nước; nguồn gốc, bản chất, các thuộc tính và hình thức của pháp luật; về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý; những nội dung cơ bản của các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và Pháp luật về phòng chống tham nhũng. + Áp dụng kiến thức đã học đã học để: + Xác định nguồn gốc, bản chất, chức năng, kiểu, hình thức, bộ máy Nhà nước và hệ thống pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam. + Phân biệt được các ngành luật khác nhau trong hệ thống pháp luật Việt Nam. + Giải quyết bài tập tình huống pháp luật. - Về kỹ năng: + Sử dụng các quy định của pháp luật liên quan đến các lĩnh vực của đời sống phục vụ nhu cầu bản thân và cộng đồng.	20	10	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Có năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập khi giải quyết tình huống pháp luật - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Xác định được vị trí của bản thân trong các mối quan hệ xã hội, thực hành sống, học tập và làm việc theo pháp luật 				
12	CTKU101	Tin học đại cương	2	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Trình bày được những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin + Áp dụng được các phần mềm ứng dụng trong công tác văn phòng + Nhận diện được các thiết bị của máy tính và các thiết bị mạng - Về kỹ năng: + Vận dụng được các kỹ năng cơ bản về cách sử dụng các ứng dụng của công nghệ thông tin như: hệ điều hành, mạng máy tính và Internet + Vận dụng được các kỹ năng cơ bản về cách sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng như MS Word, MS Excel, MS Powerpoint,... - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Có tinh thần học tập chăm chỉ, tích cực tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành + Hoàn thành các bài tập về nhà, nâng cao tính tích cực trong việc học và tự học 	19	11	60	
13	KTKH101	Kinh tế vi mô	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Tóm tắt và phân tích được các kiến thức tổng quan về kinh tế học, thị trường, cầu cung hàng hóa và giá cả, + Giải thích được hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng; phân tích các yếu tố xác định giá và 	33	12	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<p>lượng trong thị trường hàng hoá và thị trường các yếu tố sản xuất</p> <p>+Phân biệt được các thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp hoạt động trong các thị trường này</p> <p>+Phân tích được những thất bại vốn có của thị trường và vai trò Chính phủ trong việc can thiệp vào một số thất bại của thị trường.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Sử dụng công cụ phân tích (kinh tế) cho các học phần sau.</p> <p>Sử dụng các kiến thức về thị trường để phân tích, nhận định tình hình giá cả biến động trong từng thị trường trong một số tình huống thực tế đơn giản</p> <p>+ Sử dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc đơn giản ở doanh nghiệp</p> <p>+ Hình thành, rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Đề xuất, duy trì tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, kết hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận</p>				
14	KTKH1 02	Kinh tế vĩ mô	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Tóm tắt và phân tích được khái niệm kinh tế vĩ mô, giải thích được các nội dung cơ bản trong kinh tế vĩ mô, tổng cầu và tổng cung; phân tích các nội dung về hạch toán thu nhập quốc dân, tang trưởng kinh tế</p>	31.5	13.5	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Phân biệt được tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ + Phân tích được lạm phát và thất nghiệp, kinh tế vĩ mô của nền kinh tế mở - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng công cụ phân tích (kinh tế) cho các học phần sau, và phân tích một số tình huống kinh tế thực tế đơn giản + Sử dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc đơn giản ở doanh nghiệp + Hình thành, rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học. Đề xuất, duy trì tham gia làm việc nhóm nghiêm túc, kết hợp với các thành viên trong quá trình nghiên cứu, thảo luận. 				
15	KĐTO105	Toán kinh tế	2	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được các khái niệm, tính chất cơ bản trong Toán kinh tế. + Nhận diện được các biểu thức, công thức trong Toán kinh tế. + Giải được các bài toán cơ bản trong phân tích kinh tế + Vận dụng các kiến thức đã học để làm bài tập. + Xây dựng mối liên hệ giữa kiến thức cơ bản của Toán kinh tế với kiến thức chuyên ngành. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Làm theo hướng dẫn của GV để làm bài tập 	16	14	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng kiến thức đã học để giải được các bài tập về đại số và giải tích + Nắm vững kiến thức Toán cao cấp để áp dụng trong các chuyên ngành khác - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Nhận thức được tầm quan trọng của môn học và tích cực tham gia vào các hoạt động GV giao. + Chia sẻ ý kiến, quan điểm, kiến thức với GV và các SV khác. + Tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học về Toán kinh tế vào các lĩnh vực chuyên môn 				
16	KTKH103	Kinh tế số	2	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Trình bày được các khái niệm về kinh tế số, nền tảng của kinh tế số, hạ tầng mạng, viễn thông + Phân tích được các loại hình kinh tế số, vai trò của công nghệ thông tin truyền thông + Nhận diện được thị trường số, thị trường trực tuyến, ngoại tuyến + Vận dụng được kiến thức về kinh tế đổi mới, kinh tế thông tin và quyền sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số để định hướng phát triển ngành kinh tế cụ thể ở Việt Nam - Về kỹ năng: + Trình bày được các khái niệm về kinh tế số, nền tảng của kinh tế số, hạ tầng mạng, viễn thông + Phân tích được các loại hình kinh tế số, vai trò của công nghệ thông tin truyền thông + Nhận diện được thị trường số, thị trường trực tuyến, ngoại tuyến + Vận dụng được kiến thức về kinh tế đổi mới, kinh tế thông tin và 	21	9	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				quyền sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế số để định hướng phát triển ngành kinh tế cụ thể ở Việt Nam - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tuân thủ theo nguyên tắc và thích nghi với môi trường làm việc + Ứng dụng được các kiến thức để thực hiện trách nhiệm với cá nhân và trách nhiệm với cộng đồng và xã hội				
17	KTKD101	Khởi sự kinh doanh	2	- Về kiến thức: Trình bày được những vấn đề cơ bản của kinh doanh, phương thức, quy trình, chiến lược khởi sự kinh doanh. - Về kỹ năng: + Vận dụng kiến thức về khởi sự kinh doanh để lập kế hoạch kinh doanh; tạo lập doanh nghiệp. + Vận dụng nội dung lý thuyết vào giải quyết các bài tập tình huống. Liên hệ với thực tế khởi tạo, thành lập doanh nghiệp. + Phân tích, đánh giá ý tưởng khởi sự kinh doanh - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.	21	9	60	
II	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP							
2.1	Kiến thức cơ sở ngành							
18	KTKE101	Nguyên lý kế toán	3	- Về kiến thức: + Hiểu được khái niệm, nguyên tắc, đối tượng kế toán, các phương pháp kế toán	26	19	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Áp dụng được phương pháp kế toán trong kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu theo chế độ kế toán hiện hành + Hiểu được các kiến thức cơ bản về tổ chức công tác kế toán - Về kỹ năng: + Thực hiện tính giá các đối tượng kế toán, định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ghi sổ kế toán theo chế độ kế toán hiện hành + Thể hiện được kỹ năng giao tiếp - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổ chức làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập + Nhận thức được năng lực học tập của bản thân, tích lũy kiến thức + Tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành 				
19	KTKD105	Quản trị học	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Trình bày được những vấn đề căn bản của quản trị bao gồm khái niệm, vai trò của: bản chất, chức năng, nhà quản trị, học thuyết quản trị, các chức năng quản trị - Về kỹ năng: + Vận dụng kiến thức về thông tin quản trị để đánh giá, tổng hợp các phương pháp thu thập thông tin phổ biến trong lĩnh vực kế toán + Vận dụng nội dung lý thuyết vào giải quyết các bài tập tình huống. Liên hệ với thực tế quản trị trong lĩnh vực kế toán + Phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng từ môi trường đến hoạt động quản trị - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổng hợp lý thuyết và đánh giá các chức năng của quản trị trong 	34	11	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<p>quá trình quản trị tại các tổ chức, doanh nghiệp.</p> <p>+ Thảo luận và làm bài tập nhóm trong giải quyết bài tập tình huống</p>				
20	KTKD169	Quản trị kinh doanh	2	<p>- Về kiến thức: Trình bày khái niệm cơ bản về doanh nghiệp, thuật ngữ về marketing, khái quát về quản trị nguồn nhân lực và quản trị tài chính. Liệt kê các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay, các tiêu thức dùng để phân đoạn thị trường và nội dung của bảng phân tích công việc</p> <p>- Về kỹ năng: + Vận dụng lý thuyết để chỉ ra các mô hình kinh doanh và xu hướng phát triển kinh doanh hiện nay. + Chuẩn hóa và thành thạo nội dung lý thuyết vào giải quyết các bài tập tình huống. Liên hệ với thực tế quản lý hoạt động kinh doanh. + Tổng hợp các nội dung lý thuyết để đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Xây dựng chiến lược nguồn nhân lực và đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua việc phân tích các chỉ tiêu</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tích cực chuẩn bị bài trước khi lên lớp, đóng góp ý kiến xây dựng bài học, chủ động tìm kiếm tài liệu, thông tin có liên quan đến nội dung môn học. + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học và thảo luận.</p>	20	10	60	
21	KTKD113	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh	2	<p>- Về kiến thức: + Hiểu và áp dụng kiến thức cơ bản đặc trưng pháp lý, các quy định của</p>	20	10	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<p>pháp luật về hợp đồng kinh tế, nghiên cứu và dự thảo mẫu một số loại hợp đồng kinh tế trong kinh doanh như hợp đồng mua bán hàng hoá, hợp đồng kinh tế dịch vụ, hợp đồng vận chuyển hàng hóa, hợp đồng kinh tế trong liên kết kinh tế, hợp đồng hợp tác và liên doanh với nước ngoài... nhằm giải quyết các vấn đề về hợp đồng kinh tế trong kinh doanh.</p> <p>+ Hiểu và áp dụng được kiến thức cơ bản vào việc dự thảo các mẫu hợp đồng kinh tế thường gặp khác.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Có kỹ năng ứng dụng trong việc dự thảo các mẫu hợp đồng kinh tế trong kinh doanh.</p> <p>+ Thể hiện kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và kỹ năng phát triển nghề</p> <p>+ Có kỹ năng phân tích các vấn đề trong việc dự thảo các loại hợp đồng kinh tế trong liên kết kinh tế, hợp đồng hợp tác và liên doanh với nước ngoài</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao các vấn đề xây dựng các hợp đồng kinh tế trong kinh doanh.</p> <p>+ Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi</p>				
22	KTKT101	Tài chính tiền tệ	2	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu được những vấn đề cơ bản về Tài chính Tiền tệ: Nguồn gốc, chức năng của tiền tệ, khái niệm, chức năng tài chính, cấu trúc hệ thống tài chính, ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, sự</p>	23	7	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<p>hình thành và cấu trúc thị trường tài chính, các tổ chức tài chính trung gian và hệ thống Ngân hàng.</p> <p>+ Phân tích được sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ, từ đó đánh giá sự tác động của thị trường tài chính đối với nền kinh tế.</p> <p>+ Vận dụng được những kiến thức đã học để tìm ra các kênh huy động vốn hiệu quả cho các chủ thể trong nền kinh tế, dự báo ảnh hưởng của sự biến động thị trường tài chính</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Thực hiện được tìm kiếm các văn bản, tài liệu, điều luật trong lĩnh vực tài chính tiền tệ vào giải quyết công việc hiệu quả, đúng pháp luật.</p> <p>+ Kết hợp các kỹ năng lập luận, phân tích, tổng hợp, bình luận đánh giá, kỹ năng làm việc nhóm để phân tích và dự báo sự ảnh hưởng của sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ</p> <p>+ Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, quản lý công việc</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tự chủ, độc lập làm việc trong tổ chức.</p> <p>+ Hành động có trách nhiệm với tổ chức và xã hội.</p> <p>+ Học tập lên trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý</p>				
23	KTKH1 33	Thống kê doanh nghiệp	2	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Trình bày được các kiến thức cơ bản về các đối tượng thống kê trong doanh nghiệp</p> <p>+ Phân tích được các kiến thức thống kê các yếu tố sản xuất trong doanh nghiệp, kết quả sản xuất kinh</p>	20	10	30	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<p>doanh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>+ Phân tích được các chỉ tiêu thống kê về các đối tượng thống kê trong doanh nghiệp.</p> <p>+ Vận dụng thống kê khoa học để đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản lưu động, tài sản cố định, lao động, tiền lương, vốn trong doanh nghiệp</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>Nhận dạng được các loại tài sản, vốn, các loại hình lao động, tiền lương</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>Vận dụng được kiến thức về thống kê để tính toán và đưa ra các kết luận trong công việc.</p>				
2.2 Kiến thức ngành								
2.2.1 Bắt buộc								
24	KTKE102	Kế toán tài chính 1	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Áp dụng được các kiến thức cơ bản về kế toán TSCĐ, BĐS đầu tư, kế toán tổng hợp và chi tiết NVL và CCDC theo chế độ kế toán hiện hành trong công tác kế toán tại doanh nghiệp</p> <p>+ Áp dụng được các kiến thức cơ bản về kế toán tổng hợp và chi tiết về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chế độ kế toán hiện hành trong công tác kế toán tại doanh nghiệp</p> <p>+ Áp dụng được các kiến thức cơ bản về kế toán quá trình tiêu thụ thành phẩm, xác định và phân phối kết quả kinh doanh theo chế độ kế toán hiện hành trong công tác kế toán tại doanh nghiệp</p> <p>- Về kỹ năng:</p>	25	20	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện tính giá các đối tượng kế toán + Nắm vững phương pháp định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ghi sổ kế toán theo chế độ kế toán hiện hành + Thể hiện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận, bài tập và kiểm tra + Nhận được năng lực học tập của bản thân để tích lũy kiến thức, + Tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành 				
25	KTKE103	Kế toán tài chính 2	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Hiểu được phương pháp kế toán vốn bằng tiền và đầu tư tài chính; Kế toán các khoản ứng trước và tài sản thuế TNDN hoãn lại, kế toán các khoản phải thu, kế toán các khoản phải trả, kế toán nguồn vốn Chủ sở hữu + Xây dựng được báo cáo tài chính - Về kỹ năng: + Thực hiện được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh lên báo cáo tài chính theo chế độ kế toán hiện hành + Thể hiện được kỹ năng giao tiếp - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổ chức làm việc độc lập trong các tiết học bài tập + Nhận được năng lực học tập của bản thân tích lũy kiến thức, + Tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành 	26	19	90	
26	KTKE104	Kế toán quản trị 1	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Hiểu được bản chất, chức năng thông tin, đối tượng và phương 	25	20	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<p>pháp nghiên cứu của kế toán quản trị, tổ chức kế toán quản trị trong doanh nghiệp</p> <p>+ So sánh các loại chi phí theo các tiêu thức phân loại cụ thể</p> <p>+ Áp dụng các phương pháp xác định chi phí trong tập hợp chi phí và tính giá</p> <p>+ Áp dụng việc phân tích mối quan hệ giữa chi phí, sản lượng và lợi nhuận trong ra quyết định kinh doanh</p> <p>+ Xây dựng được định mức và dự toán ngân sách của doanh nghiệp</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Thực hiện tính toán các chỉ tiêu thường sử dụng trong kế toán quản trị</p> <p>+ Xây dựng các báo cáo sản xuất, báo cáo kết quả kinh doanh và dự toán ngân sách trong doanh nghiệp</p> <p>+ Thể hiện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập</p> <p>+ Nhận thức được năng lực học tập của bản thân để tích lũy kiến thức</p> <p>+ Tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành</p>				
27	KTKE105	Thuế và kế toán thuế	4	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu khái niệm, vai trò, chức năng hệ thống thuế</p> <p>+ Hiểu được khái niệm, vai trò, căn cứ tính thuế, phạm vi áp dụng, kê khai và quyết toán các loại thuế trong doanh nghiệp: thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập</p>	40	20	120	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<p> cá nhân, thuế xuất nhập khẩu, thuế tài nguyên, thuế môn bài...</p> <p>+ Áp dụng được phương pháp kế toán trong việc hạch toán thuế GTGT, TNDN, TNCN,...theo chế độ kế toán hiện hành</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Thực hiện tính các loại thuế GTGT, TNDN, TNCN trong các nghiệp vụ kinh tế phát sinh</p> <p>+ Thực hiện được thao tác trên phần mềm hỗ trợ kê khai thuế</p> <p>+ Thể hiện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập</p> <p>+ Nhận thức được năng lực học tập của bản thân để tích lũy kiến thức</p> <p>+ Tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành</p>				
28	KTKT11	Lý thuyết kiểm toán	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Nắm được quá trình hình thành và phát triển của kiểm toán trên thế giới và tại Việt Nam, hoạt động của các tổ chức và hiệp hội nghề nghiệp kiểm toán</p> <p>+ Trình bày được đặc điểm kiểm toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kiểm toán viên, các khái niệm được sử dụng trong kiểm toán, các giai đoạn của quy trình kiểm toán</p> <p>+ Phân biệt được các loại hình kiểm toán; Xác định được các rủi ro có sai sót trọng yếu; Vận dụng các kỹ thuật kiểm vào quy trình kiểm toán</p> <p>- Về kỹ năng</p>	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Nhận biết, phân tích và đánh giá các sai phạm về đạo đức nghề nghiệp kiểm toán + Xác định sai phạm, lỗi sai phạm từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh trên báo cáo tài chính của đơn vị được kiểm toán. Từ đó, phân tích ảnh hưởng của các sai phạm đến báo cáo tài chính được kiểm toán. + Nhận diện và phân tích các dạng ý kiến của kiểm toán viên - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Chủ động chuẩn bị bài trước khi lên lớp, tích cực đóng góp ý kiến trong các tiết học. + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học 				
29	KTKE106	Kế toán máy	2	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Hiểu được các vấn đề cơ bản về hệ thống thông tin kế toán, chức năng của phần mềm kế toán, mô hình hoạt động của phần mềm kế toán, cách lựa chọn phần mềm kế toán phù hợp cho doanh nghiệp. + Áp dụng kiến thức cơ bản về Phương pháp kế toán vốn bằng tiền; kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, sản phẩm hàng hóa; kế toán tài sản cố định; kế toán mua hàng và công nợ phải trả; kế toán bán hàng và công nợ phải thu; kế toán lương và các khoản trích theo lương; kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm để xử lý nghiệp vụ trên phần mềm kế toán misa. + Áp dụng được những kiến thức cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, lên được báo cáo tài chính 	10	20	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> - Về kỹ năng: + Thể hiện kỹ năng thực hiện các thao tác trên phần mềm kế toán misa: Nhập chứng từ của các phần hành kế toán, xử lý các nghiệp vụ về các phần hành kế toán của trong doanh nghiệp. doanh nghiệp. + Thể hiện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thực hành. + Nhận được năng lực học tập của bản thân tích lũy kiến thức, + Tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành 				
30	KTKE107	Tiếng anh chuyên ngành	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Áp dụng được từ vựng, thuật ngữ, cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh trong lĩnh vực kê toán, kiểm toán + Trình bày được kiến thức chuyên ngành kế toán, kiểm toán bằng tiếng Anh + Xây dựng được nội dung các đoạn hội thoại sử dụng trong doanh nghiệp - Về kỹ năng: + Đọc hiểu và dịch được các văn bản chuyên ngành kế toán bằng tiếng anh + Thể hiện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập + Duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức để nâng cao trình độ chuyên môn 	25	20	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
31	KTKE108	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	2	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Trình bày được kiến thức cơ bản về các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tìm kiếm việc làm, kỹ năng lập kế hoạch và ra quyết định. + Vận dụng được các kỹ năng để giải quyết công việc một cách chuyên nghiệp, hiệu quả - Về kỹ năng: + Vận dụng được kỹ năng giao tiếp và kỹ năng tìm kiếm việc làm theo năng lực và mục tiêu nghề nghiệp. + Vận dụng được kỹ năng lập kế hoạch và ra quyết định ngắn hạn và dài hạn - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập + Nhận thức được năng lực của bản thân để luôn cố gắng tích lũy kiến thức 	18	12	60	
32	KTKE109	Tham quan nhận thức 1	1	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Trình bày được khái niệm, đặc điểm và các loại hình doanh nghiệp thương mại, dịch vụ + Mô tả được đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thương mại, dịch vụ cụ thể + Mô tả được mô hình tổ chức bộ máy quản lý hoạt động kinh doanh, tổ chức bộ máy kế toán của doanh nghiệp thương mại, dịch vụ cụ thể - Về kỹ năng: + Thực hành kỹ năng quan sát, thu thập, tổng hợp thông tin về đơn vị kế toán + Thực hiện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: 		80 giờ	30	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Lắng nghe các kiến thức, thông tin được cung cấp trong các buổi học, tham quan + Nhận thức được phải chấp hành các quy định, nội quy trong các buổi tham quan 				
33	KTKE1 10	Tham quan nhận thức 2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được khái niệm, đặc điểm và các loại hình doanh nghiệp sản xuất + Mô tả được đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất cụ thể + Mô tả được mô hình tổ chức bộ máy quản lý hoạt động kinh doanh, tổ chức bộ máy kế toán của doanh nghiệp sản xuất cụ thể - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Thực hành kỹ năng quan sát, thu thập, tổng hợp thông tin về đơn vị kế toán + Thực hiện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Lắng nghe các kiến thức, thông tin được cung cấp trong các buổi tham quan + Nhận thức được phải chấp hành các quy định, nội quy trong các buổi tham quan 		80 giờ	30	
34	KTKE1 11	Thực tập nghề nghiệp 1	4	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Hiểu khái quát đặc điểm chung của đơn vị và đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị thực tập. + Hiểu thực trạng tổ chức công tác kế toán tại đơn vị thực tập - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Có kỹ năng thu thập, tổng hợp, xử lý các thông tin về đơn vị và thông tin về kế toán. 		240 giờ	120	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Thực hành được một số công việc kế toán đơn giản theo chế độ kế toán hiện hành + Thực hiện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổ chức làm việc độc lập trong điều kiện thực tập tại doanh nghiệp, có trách nhiệm với kết quả công việc của mình + Tích lũy kiến thức thực tế tại đơn vị thực tập để nâng cao trình độ chuyên môn cho các học phần tiếp theo. 				
35	KTKE112	Thực tập nghề nghiệp 2	5	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Hiểu và áp dụng những kiến thức về kinh tế và kinh doanh để tìm hiểu đặc điểm, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và cơ cấu tổ chức của đơn vị. + Hiểu và áp dụng những kiến thức về kế toán đã được học để tìm hiểu thực trạng tổ chức công tác kế toán và kế toán các quá trình kinh doanh tại đơn vị. - Về kỹ năng: + Thực hiện các kỹ năng trong việc thu thập, tổng hợp, xử lý và phân tích các thông tin về đơn vị và thông tin về kế toán. + Vận dụng những kiến thức cơ bản của kế toán để thực hiện một số công việc về kế toán tại đơn vị thực tập theo chế độ kế toán hiện hành + Thể hiện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổ chức làm việc độc lập trong điều kiện thực tế tại doanh nghiệp, 		280 giờ	150	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				có trách nhiệm với kết quả công việc của mình + Tích lũy kiến thức thực tế tại đơn vị thực tập để nâng cao trình độ chuyên môn cho các học phần tiếp theo.				
36	KTKE1 13	Thực tập nghề nghiệp 3	5	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu và vận dụng những kiến thức về kinh tế và kinh doanh để tìm hiểu khái quát đặc điểm chung của đơn vị và đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị thực tế.</p> <p>+ Hiểu và vận dụng những kiến thức về kế toán đã được học để tìm hiểu thực trạng tổ chức công tác kế toán tại đơn vị</p> <p>+ Hiểu và vận dụng những kiến thức về kiểm toán đã được học để tìm hiểu thực tế hệ thống kiểm soát nội bộ tại đơn vị</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Thực hiện các kỹ năng trong việc thu thập, tổng hợp, xử lý và phân tích các thông tin về đơn vị, thông tin về kế toán hoặc hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị thực tập.</p> <p>+ Vận dụng những kiến thức cơ bản của kế toán để thực hiện một số công việc kế toán đơn giản.</p> <p>+ Vận dụng những kiến thức cơ bản của kiểm toán để thực hiện một số thủ tục kiểm soát.</p> <p>+ Thể hiện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc độc lập trong điều kiện thực tế tại doanh nghiệp, có trách nhiệm với kết quả công việc của mình</p>		280 giờ	150	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				+ Tích lũy kiến thức thực tế tại đơn vị thực tập để nâng cao trình độ chuyên môn cho các học phần tiếp theo				
2.2.2 Tự chọn								
37	KTKE1 14	Kế toán quản trị 2	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Áp dụng được nội dung phân tích biến động chi phí, biến động tiêu thụ trong doanh nghiệp cụ thể + Xây dựng được báo cáo dự toán linh hoạt + Hiểu được nội dung cơ bản về kế toán các trung tâm trách nhiệm + Xây dựng được mức giá bán hợp lý trong tình huống cụ thể trong doanh nghiệp + Phân tích được các thông tin để đưa ra quyết định ngắn hạn và dài hạn - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Nắm vững cách xác định chi phí, cách phân tích biến động + Xây dựng được báo cáo hoạt động, giá bán sản phẩm + Nắm vững cách phân tích thông tin để đưa ra quyết định ngắn hạn và dài hạn + Thể hiện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập + Nhận thức được năng lực học tập của bản thân để tích lũy kiến thức + Tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành 	19	26	90	
38	KTKE1 15	Đạo đức nghề nghiệp	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày được kiến thức cơ bản về đạo đức và đạo đức nghề nghiệp 	28	17	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<p>trong một số lĩnh vực của doanh nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vận dụng được kiến thức về các chuẩn mực đạo đức kế toán, kiểm toán - Về kỹ năng: + Xây dựng được các biện pháp bảo vệ trong môi trường làm việc + Thể hiện kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tuân thủ theo chế độ kế toán và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp hiện hành + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập 				
39	KTKT1 12	Kiểm toán tài chính	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Hiểu được những vấn đề cơ bản về Kiểm toán tài chính như: Khái niệm, vai trò của kiểm toán trong doanh nghiệp. + Những vấn đề cơ bản về gian lận và sai sót như: Khái niệm, các nhân tố tác động, biểu hiện của gian lận và sai sót, các biện pháp phòng ngừa. + Phân tích được những vấn đề cơ bản của một số quy trình KTTC chủ yếu trong doanh nghiệp + Áp dụng được những kiến thức đã học để phân biệt giữa gian lận và sai sót + Áp dụng những kiến thức đã học để đánh giá các tình huống cụ thể về kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp - Về kỹ năng: + Thực hiện được tìm kiếm các văn bản quy phạm pháp luật hiện 	32	13	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<p>hành liên quan đến KTTC trong doanh nghiệp.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng các văn bản quy phạm pháp luật và cá phương pháp, thủ tục kiểm soát để giải quyết các bài tập tình huống. + Kết hợp các kỹ năng lập luận, phân tích, tổng hợp, bình luận, đánh giá để giải quyết các tình huống cụ thể trong thực tiễn. + Sử dụng lý thuyết về KTTC để thiết lập được những chính sách và thủ tục kiểm soát cho doanh nghiệp <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập. + Thể hiện năng lực đánh giá và kết luận về các tình huống thực tiễn. + Đề xuất ý tưởng kinh doanh và tổ chức hoạt động khởi nghiệp. 				
40	KTKE1 16	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	<p>- Về kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hiểu được những kiến thức cơ bản về kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp: khái niệm, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và các phương pháp kế toán của đơn vị hành chính sự nghiệp + Áp dụng kiến thức về chứng từ kế toán sử dụng, phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong các đơn vị hành chính sự nghiệp để lập, đọc các Báo cáo tài chính ở các đơn vị hành chính sự nghiệp. + Tính toán được doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị <p>- Về kỹ năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện được tính giá các đối tượng kế toán, định khoản các 	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ghi sổ kế toán theo chế độ kế toán hiện hành + Thể hiện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học bài tập + Nhận thức được năng lực học tập của bản thân để tích lũy kiến thức + Tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành				
41	KTKE1 17	Phân tích báo cáo tài chính	3	- Về kiến thức: + Trình bày được những vấn đề cơ bản về phân tích báo cáo tài chính, đối tượng sử dụng thông tin phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp + Phân biệt được các phương pháp sử dụng trong phân tích báo cáo tài chính + Áp dụng được các phương pháp phân tích sử dụng để đọc và kiểm tra hệ thống báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ..... + Vận dụng được kiến thức nền tảng và chuyên sâu về phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp để phân tích các nội dung: hoạt động đầu tư tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn, khả năng thanh toán, khả năng sinh lời, hiệu quả sử dụng chi phí, phân tích tài chính Dupont, tỷ số chứng khoán - Về kỹ năng: + Thực hiện kỹ năng đọc phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp + Thực hành phân tích các chỉ tiêu đánh giá hoạt động đầu tư tài sản	32	13	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<p>ngắn hạn, tài sản dài hạn, khả năng thanh toán, khả năng sinh lời, tình hình tín dụng,..</p> <p>+ Kỹ năng tính toán, tổng hợp các chỉ tiêu tài chính</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập</p> <p>+ Nhận được năng lực học tập của bản thân tích lũy kiến thức</p> <p>+ Tuân thủ chế độ kế toán hiện hành</p>				
42	KTKE1 18	Kế toán công ty	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu được bản chất, chức năng thông tin, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kế toán, tổ chức kế toán trong các loại hình doanh nghiệp</p> <p>+ So sánh các Giai đoạn thành lập, phát triển của từng loại hình doanh nghiệp và các phương pháp kế toán tại doanh nghiệp</p> <p>+ Áp dụng thông tư, nguyên tắc kế toán trong quá trình định khoản, tính toán, xử lý các nghiệp vụ phát sinh trong quá trình thành lập và phát triển của doanh nghiệp</p> <p>+ Áp dụng việc phân tích mối quan hệ giữa việc góp vốn, phân phối lợi nhuận, phát hành trái phiếu và giải thể, tổ chức lại công ty</p> <p>+ Xây dựng được hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Thực hiện tính toán các chỉ tiêu thường sử dụng trong kế toán công ty</p> <p>+ Xây dựng các báo cáo sản xuất, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính hợp nhất</p>	26	19	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Thể hiện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập + Nhận thức được năng lực học tập của bản thân để tích lũy kiến thức + Tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành 				
43	KTKT105	Nguyên lý thẩm định giá	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Biết được những vấn đề cơ bản về thẩm định giá: khái niệm, đối tượng thẩm định giá, phân loại đối tượng thẩm định giá, nguyên tắc thẩm định giá. + Hiểu, Phân tích được những vấn đề cơ bản về các phương pháp thẩm định giá; quy trình thẩm định giá và pháp luật trong hoạt động thẩm định giá: nguyên tắc và điều kiện áp dụng, nội dung của phương pháp; các bước trong quy trình thẩm định giá, thành phần của hồ sơ thẩm định giá; quy định của pháp luật về thẩm định viên, doanh nghiệp thẩm định giá và vấn đề pháp lý về hợp đồng thẩm định giá. + Vận dụng được những kiến thức đã học để sử dụng đúng các phương pháp thẩm định giá với từng loại tài sản cụ thể; phân tích thông tin hỗ trợ nhà quản lý ra quyết định. + Vận dụng những kiến thức đã học để đánh giá các tình huống cụ thể về quy trình thẩm định; đánh giá hoạt động thẩm định giá thông qua các báo cáo kết quả và thu thập, xử lý dữ liệu trong quá trình thẩm định giá; giải quyết các vấn đề pháp lý của hợp đồng thẩm định giá 	23	22	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> - Về kỹ năng: + Thực hiện thu thập thông tin và xử lý tài liệu về các tài sản tương tự làm căn cứ đối chiếu trong quá trình thẩm định giá, lập báo cáo kết quả và chứng thư thẩm định giá; phân tích và đánh giá kết quả thu được. + Sử dụng các văn bản pháp luật quy định về các tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam để xác định giá trị của tài sản. + Kết hợp các kỹ năng làm việc nhóm, quản lý và lãnh đạo, thuyết trình và viết báo cáo phục vụ cho việc xác định giá trị của tài sản và thực hiện quy trình thẩm định giá - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi + Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội + Duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý 				
44	KTKD166	Thương mại điện tử	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: Trình bày được những vấn đề căn bản của thương mại điện tử như: khái niệm lợi ích của thương mại điện tử cũng như các lĩnh vực ứng dụng; Cơ sở công nghệ của thương mại điện tử và các vấn đề an ninh, an toàn bảo mật trong thương mại Internet; Chiến lược thương mại điện tử. - Về kỹ năng: + Vận dụng kiến thức cơ sở công nghệ của thương mại điện tử và các 	33,5	11,5	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<p>vấn đề an ninh, an toàn bảo mật trong thương mại Internet; hệ thống thanh toán điện tử và các ứng dụng khác để tổng hợp, đánh giá, và phân tích trong lĩnh vực kế toán</p> <p>+ Vận dụng nội dung lý thuyết vào giải quyết các bài tập tình huống. Liên hệ với thực tế ứng dụng thương mại điện tử trong lĩnh vực kế toán.</p> <p>+ Phân tích, đánh giá tác động của việc ứng dụng thương mại điện tử trong lĩnh vực kế toán từ đó đưa ra các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tổng hợp lý thuyết và đánh giá các ứng dụng thương mại điện tử trong lĩnh vực kế toán</p> <p>+ Thảo luận và làm bài tập nhóm trong giải quyết bài tập nhóm</p>				
2.3 Kiến thức chuyên ngành								
2.3.1 <i>Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp</i>								
45	KTKE1 19	Kế toán chi phí	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu được khái niệm, kiến thức cơ bản về kế toán chi phí trong các doanh nghiệp sản xuất.</p> <p>+ Hiểu được kiến thức cơ bản về các mô hình xác định chi phí.</p> <p>+ Áp dụng được phương pháp tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo các phương pháp: chi phí thực tế, chi phí thực tế kết hợp chi phí ước tính, chi phí định mức.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Thực hiện tính giá thành sản phẩm, thể hiện các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lập báo cáo sản xuất, bảng tính giá thành sản phẩm.</p>	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Thể hiện kỹ năng giao tiếp và làm việc độc lập. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Thể hiện được ý tưởng trong các tiết thảo luận, làm việc độc lập trong các tiết bài tập. + Nhận thức được năng lực học tập của bản thân, tích lũy kiến thức. + Tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành 				
46	KTKE1 20	Kế toán ngân hàng	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Hiểu được khái niệm, đối tượng kế toán, các phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh doanh chủ yếu trong ngân hàng đặc biệt trong ngân hàng thương mại. + Áp dụng, tính toán các đối tượng kế toán, phương pháp kế toán trong nghiệp vụ kinh doanh chủ yếu của Ngân hàng thương mại. - Về kỹ năng: + Thực hiện tính giá các đối tượng kế toán, định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo chế độ kế toán hiện hành + Thể hiện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết bài tập và thảo luận. + Nhận thức được năng lực học tập của bản thân tích lũy kiến thức, + Tuân thủ theo chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán. 	23	22	90	
47	KTKE1 21	Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Hiểu được kiến thức cơ bản về kế toán trong các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ. 	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<p>+ Hiểu được kiến thức cơ bản về đặc điểm hoạt động mua bán hàng hóa trong nước, xuất nhập khẩu, hoạt động vận tải, kinh doanh nhà hàng, khách sạn.</p> <p>+ Áp dụng được phương pháp tính giá thành dịch vụ vận tải, nhà hàng, khách sạn, vận dụng phương pháp kế toán mua bán hàng hóa trong nước, xuất nhập khẩu, kinh doanh vận tải, nhà hàng, khách sạn để thể hiện các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lập bảng tính giá thành dịch vụ vận tải, nhà hàng, khách sạn.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Thực hiện tính giá thành dịch vụ vận tải, nhà hàng, khách sạn, thể hiện các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong mua bán hàng hóa trong nước, xuất nhập khẩu, lập bảng tính giá thành dịch vụ vận tải, nhà hàng, khách sạn theo chế độ kế toán hiện hành</p> <p>+ Thể hiện kỹ năng giao tiếp và làm việc độc lập.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Thể hiện được ý tưởng trong các tiết thảo luận, làm việc độc lập trong các tiết bài tập.</p> <p>+ Nhận thức được năng lực học tập của bản thân, tích lũy kiến thức.</p> <p>+ Tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành</p>				
48	KTKE1 22	Kế toán quốc tế	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu được về chu trình kế toán, hệ thống tài khoản, bút toán điều chỉnh, hình thức ghi sổ và lập báo cáo tài chính trong kế toán Mỹ.</p> <p>+ Hiểu được khái niệm, đặc điểm của các đối tượng kế toán cụ thể: tài</p>	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<p>sản ngắn hạn, tài sản dài hạn, hàng tồn kho, nợ phải thu - phải trả,...</p> <p>+ Áp dụng được tài khoản kế toán, phương pháp kế toán đối với từng phần hành: kế toán tài sản ngắn hạn, kế toán hàng tồn kho, kế toán TSCĐ, kế toán nợ phải trả</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Thực hiện các bước định khoản nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ghi sổ kế toán theo chế độ kế toán hiện hành</p> <p>+ Thể hiện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập</p> <p>+ Nhận được năng lực học tập của bản thân tích lũy kiến thức</p> <p>+ Tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành</p>				
49	KTKE1 23	Hệ thống thông tin kế toán	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu được các nội dung cơ bản hệ thống thông tin kế toán liên quan đến trong doanh nghiệp, các tài liệu kỹ thuật trong hệ thống thông tin kế toán, chu trình lưu chuyển thông tin kế toán và các hình thức tổ chức công tác kế toán trong điều kiện áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kế toán</p> <p>+ Áp dụng nội dung đã được học về hệ thống thông tin kế toán về tài liệu kỹ thuật, cơ sở dữ liệu để thiết kế hệ thống thông tin phù hợp trong các chu trình kinh doanh cho doanh nghiệp, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ trong nghiệp</p> <p>- Về kỹ năng:</p>	27	18	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Nắm vững các kiến thức, kỹ năng thiết kế, thiết lập, tổ chức xử lý các nội dung trong hệ thống thông tin kế toán về hệ thống tài liệu kỹ thuật, hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ trong các quá trình kinh doanh tại doanh nghiệp nhằm đánh giá hệ thống thông tin kế toán trong các chu trình kinh doanh của một doanh nghiệp cụ thể. + Thực hiện được các thao tác trên phần mềm Excel để tính giá trị lớn nhất, nhỏ nhất, lọc các dữ liệu liên quan theo yêu cầu nhà quản lý + Thể hiện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm. - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết bài tập và thảo luận. + Nhận thức được năng lực học tập của bản thân tích lũy kiến thức 				
50	KTKD1 18	Quản trị dự án đầu tư	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Hiểu những vấn đề cơ bản, đặc trưng của dự án đầu tư, quản trị dự án đầu tư. Mạng công việc, dự toán ngân sách + Áp dụng dự toán ngân sách vào hoạt động quản trị dự án và thể hiện sơ đồ công việc trong dự án đầu tư. Hiểu được nội dung về quản trị chất lượng, quản trị rủi ro - Về kỹ năng: + Thực hiện giải quyết các bài tập tiền lương, bài tập về phân bổ nguồn nhân lực cũng như dự tính thời gian và các yếu tố ảnh hưởng tới các công việc của dự án. + Giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản trị dự án 	32	13	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổ chức làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập + Nhận thức được năng lực học tập của bản thân, tích lũy kiến thức 				
51	KTKT106	Ngân hàng thương mại	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Hiểu được những vấn đề cơ bản về NHTM: Lịch sử hình thành và phát triển, các chức năng, phân loại NHTM, tín dụng, cho vay, huy động tại NHTM,... + Hiểu được những vấn đề cơ bản về phương pháp quản trị mặt kỹ thuật như quản lý vốn huy động và đi vay, vốn chủ sở hữu ngân hàng, quản lý tài sản ngân hàng, quản lý thanh khoản ngân hàng thương mại. + Vận dụng được những kiến thức đã học để phân tích Phân tích, đánh giá được rủi ro trong kinh doanh ngân hàng, tình hình hoạt động ngân hàng trong và ngoài nước. + Vận dụng những kiến thức đã học để đưa ra các giải pháp quản lý tài sản, tín dụng, nguồn vốn và thanh khoản NHTM - Về kỹ năng: + Có khả năng phân tích vấn đề về các nghiệp vụ ngân hàng thương mại. + Kết hợp các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và viết báo cáo phục vụ cho tổng hợp, đánh giá tình hình hoạt động của NHTM - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi. + Có khả năng học tập lên trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các 	35	10	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý				
52	KTKT108	Thị trường chứng khoán	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu được những vấn đề cơ bản về tổng quan thị trường chứng khoán như: Khái niệm và chức năng của thị trường chứng khoán; cơ cấu, mục tiêu và nguyên tắc hoạt động của thị trường chứng khoán; các chủ thể tham gia TTCK; cơ chế điều hành và giám sát TTCK.</p> <p>+ Hiểu được những vấn đề cơ bản về chứng khoán, thị trường chứng khoán sơ cấp, thị trường chứng khoán thứ cấp, phân tích chứng khoán và đầu tư chứng khoán.</p> <p>+ Áp dụng được những kiến thức đã học để mô tả cơ chế vận hành và hoạt động của Sở giao dịch chứng khoán, cũng như thị trường chứng khoán.</p> <p>+ Áp dụng những kiến thức đã học để thực hiện phân tích cơ bản và kỹ thuật các chứng khoán trong quá trình đầu tư vào thị trường chứng khoán.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Có khả năng phân tích vấn đề, tìm ra những điểm mấu chốt cơ chế vận hành và hoạt động của Sở giao dịch chứng khoán, cũng như thị trường chứng khoán. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện phân tích và đầu tư chứng khoán.</p> <p>+ Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và các kỹ năng phát triển nghề nghiệp khác.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p>	32	13	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi. + Duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý. 				
53	KTKE1 24	Đại cương về kế toán tập đoàn	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Phân biệt được kiến thức về tập đoàn kinh tế ở Việt Nam và tổ chức công tác kế toán ở các tập đoàn kinh tế + Áp dụng được phương pháp kế toán hợp nhất kinh doanh ở Việt Nam + Vận dụng phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện các bước lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo chế độ kế toán hiện hành + Thể hiện kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn trong lĩnh vực kế toán + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập 	27	18	90	
54	KTKE1 25	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Hiểu được bản chất, chức năng thông tin, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp + Hiểu được các bước công việc cần thực hiện, các quy trình công 	33	12	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<p>việc cần được thiết kế, nhân lực, trang thiết bị cần phải xây dựng</p> <p>+ Trình bày được các nguyên tắc tổ chức kế toán mà các đơn vị kinh tế cần phải tuân thủ để vận dụng trong doanh nghiệp</p> <p>+ Áp dụng ghi sổ, kiểm tra đối chiếu giữa các loại sổ kế toán và bảo quản, lưu trữ sổ kế toán</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Thực hiện phân tích và diễn giải dữ liệu, thiết kế các quy trình thu thập, xử lý và cung cấp thông tin hiệu quả.</p> <p>+ Thực hành lựa chọn hình thức sổ kế toán trong doanh nghiệp, xây dựng số lượng và chủng loại các sổ, thiết kế các quá trình ghi sổ cho từng loại sổ</p> <p>+ Thể hiện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập</p> <p>+ Nhận thức được năng lực học tập của bản thân để tích lũy kiến thức</p> <p>+ Tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành</p>				
55	KTKT109	Thanh toán quốc tế	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Biết được những vấn đề cơ bản về khái niệm, vai trò và nội dung thanh toán quốc tế, nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu, hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu, các giao dịch thương mại liên quan đến thanh toán quốc tế.</p> <p>+ Hiểu, Phân tích được những vấn đề cơ bản về các phương pháp xác định tỷ giá hối đoái, các chứng từ</p>	37	8	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<p>thương mại trong thanh toán quốc tế</p> <p>+ Vận dụng những kiến thức đã học để sử dụng các phương thức thanh toán quốc tế.</p> <p>+ Vận dụng được những kiến thức đã học để phân tích các phương thức vận tải theo Incoterm, các phương tiện thanh toán quốc tế</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Có khả năng phân tích vấn đề đặc điểm, ưu nhược điểm của các phương tiện thanh toán quốc tế, bất lỗi trong thư tín dụng (L/C), các điều khoản cần thiết trong hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu.</p> <p>+ Kết hợp các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình các vấn đề về thanh toán quốc tế</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi.</p> <p>+ Có khả năng học tập lên trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.</p>				
2.3.2 Chuyên ngành Kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính								
56	KTKT1 13	Kiểm toán hoạt động	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu được những vấn đề cơ bản về kiểm toán hoạt động như: Khái niệm, vai trò, các yếu tố cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp. Những vấn đề cơ bản về gian lận và sai sót như: Khái niệm, các nhân tố tác động, biểu hiện của gian lận và sai sót, các biện pháp phòng ngừa.</p>	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Phân tích được những vấn đề cơ bản của một số quy trình KTHĐ chủ yếu trong doanh nghiệp + Áp dụng được những kiến thức đã học để phân biệt giữa gian lận và sai sót + Áp dụng những kiến thức đã học để đánh giá các tình huống cụ thể về kiểm toán hoạt động trong doanh nghiệp - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện được tìm kiếm các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến KTHĐ trong doanh nghiệp. Sử dụng các văn bản quy phạm pháp luật và cá phương pháp, thủ tục kiểm soát để giải quyết các bài tập tình huống. + Kết hợp các kỹ năng lập luận, phân tích, tổng hợp, bình luận, đánh giá để giải quyết các tình huống cụ thể trong thực tiễn. + Sử dụng lý thuyết về KTHĐ để thiết lập được những chính sách và thủ tục kiểm soát cho doanh nghiệp - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập. + Thể hiện năng lực đánh giá và kết luận về các tình huống thực tiễn. + Đề xuất ý tưởng kinh doanh và tổ chức hoạt động khởi nghiệp 				
57	KTKT1 14	Kiểm toán môi trường	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Hiểu được những vấn đề cơ bản về Kiểm toán môi trường như: Mục đích, ý nghĩa, chức năng, yêu cầu của Kiểm toán môi trường. + Biết được những công việc cơ bản trong hoạt động trước kiểm 	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<p>toán, hoạt động kiểm toán tại cơ sở và hoạt động sau kiểm toán của một cuộc kiểm toán môi trường</p> <p>+ Áp dụng được những kiến thức đã học để lập kế hoạch, tổ chức kiểm toán môi trường</p> <p>+ Áp dụng những kiến thức đã học để thực hiện kiểm toán môi trường, đánh giá tác động môi trường cũng như hiệu quả hoạt động của đơn vị</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Nắm vững những nghiệp vụ chuyên môn về kiểm toán môi trường như thu thập, bằng chứng kiểm toán môi trường, phân tích thông tin và đánh giá tác động môi trường, lập báo cáo kiểm toán môi trường</p> <p>+ Sử dụng các văn bản quy phạm pháp luật để phân tích các tác động môi trường và thiệt hại kinh tế của các tác động đó</p> <p>+ Học được kỹ năng làm việc nhóm và khả năng đánh giá tác động môi trường trong quá trình làm tiểu luận Kiểm toán Môi trường.</p> <p>+ Có khả năng đánh giá và lập báo cáo kiểm toán môi trường dựa trên các thông tin đã được đưa ra khi làm bài tập</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập.</p> <p>+ Thể hiện năng lực đánh giá và kết luận về các tình huống thực tiễn.</p> <p>+ Thi tuyển vào Nhà nước vị trí Kiểm toán viên môi trường</p>				
58	KTKT1 15	Kiểm toán nội bộ	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu được những vấn đề cơ bản về Kiểm toán nội bộ như: Khái</p>	32	13	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<p>niệm, vai trò, mục đích, quyền hạn của kiểm toán nội bộ. Chuẩn mực chi phối kiểm toán nội bộ; tổ chức mô hình kiểm toán nội bộ trong doanh nghiệp, cùng phương pháp và quy trình tổ chức cuộc kiểm toán.</p> <p>+ Phân tích được những vấn đề cơ bản của một số quy trình KSNB chủ yếu trong doanh nghiệp</p> <p>+ Áp dụng được những kiến thức đã học để thiết kế các phương pháp và thủ tục kiểm toán phù hợp.</p> <p>+ Áp dụng những kiến thức đã học để đánh giá các tình huống cụ thể trong cuộc kiểm toán, từ đó đề xuất các biện pháp cải tiến.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Thực hiện được tìm kiếm các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến kiểm toán do kiểm toán nội bộ thực hiện.</p> <p>+ Sử dụng các phương pháp, thủ tục kiểm toán cụ thể để giải quyết các bài tập tình huống.</p> <p>+ Kết hợp các kỹ năng lập luận, phân tích, tổng hợp, bình luận, đánh giá để giải quyết các tình huống cụ thể trong thực tiễn.</p> <p>+ Sử dụng lý thuyết trong kiểm toán nội bộ để xây dựng chương trình kiểm toán cho một hoạt động cụ thể trong doanh nghiệp</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập.</p> <p>+ Thể hiện năng lực đánh giá và kết luận về các tình huống thực tiễn.</p> <p>+ Tuân thủ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về kiểm</p>				

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				toán nói chung và kiểm toán nội bộ nói riêng.				
59	KTKT1 16	Kiểm soát nội bộ	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu được những vấn đề cơ bản về Kiểm soát nội bộ như: Khái niệm, vai trò, các yếu tố cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp. Những hạn chế cố hữu của hệ thống kiểm soát nội bộ. Những vấn đề cơ bản về gian lận và sai sót như: Khái niệm, các nhân tố tác động, biểu hiện của gian lận và sai sót, các biện pháp phòng ngừa trong kế toán.</p> <p>+ Áp dụng được những kiến thức đã để có thể thiết kế được qui trình KSNB trong doanh nghiệp để giám sát các hoạt động kế toán tại đơn vị.</p> <p>+ Áp dụng những kiến thức đã học để đánh giá về hệ thống KSNB trong doanh nghiệp</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Nắm vững những nghiệp vụ chuyên môn như: thu thập, xử lý các chứng từ liên quan đến chu trình KSNB trong doanh nghiệp.</p> <p>+ Nắm vững các điều luật và chuẩn mực trong lĩnh vực Kế toán để giải quyết các công việc liên quan đến KSNB trong doanh nghiệp đúng luật.</p> <p>+ Có kỹ năng giao tiếp, phân tích, tổng hợp, bình luận, đánh giá để giải quyết các tình huống liên quan tới công việc trong doanh nghiệp.</p> <p>+ Thu thập, xử lý các thông tin và thành tựu mới liên quan đến KSNB để áp dụng vào các hoạt động KSNB của doanh nghiệp.</p> <p>+ Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập.</p>	32	13	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Thể hiện năng lực đánh giá và kết luận về các tình huống thực tiễn. + Đề xuất ý tưởng kinh doanh và tổ chức hoạt động khởi nghiệp 				
60	KTKT1 18	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Hiểu được những vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp và quản trị tài chính doanh nghiệp: khái niệm tài chính doanh nghiệp, các quyết định tài chính và tổng quan về quản trị tài chính doanh nghiệp. + Hiểu, phân tích được những vấn đề cơ bản về các công cụ sử dụng trong quản trị tài chính; huy động và phân bổ các nguồn vốn của doanh nghiệp, quản trị tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn lưu động và cố định; đầu tư dài hạn của doanh nghiệp và các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính dự án đầu tư; chính sách phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức của công ty. + Áp dụng được những kiến thức đã học để phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua các hệ số tài chính; chi phí sử dụng các nguồn tài trợ; đánh giá hiệu quả dự án đầu tư giúp nhà quản trị tài chính đưa ra quyết định tài chính chính xác. + Áp dụng những kiến thức đã học để đánh giá các tình huống cụ thể về phân bổ nguồn vốn, tổng hợp, phân tích và đưa ra nhận xét công tác quản trị vốn và sử dụng vốn từ đó định hướng chiến lược phát triển tương lai thông qua các dự án đầu tư dài hạn. - Về kỹ năng: 	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Có khả năng phân tích vấn đề, tìm ra những điểm mấu chốt tình hình tài chính của doanh nghiệp, quản trị vốn cố định và vốn lưu động... + Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và các kỹ năng phát triển nghề nghiệp khác - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi. + Duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý 				
61	KTKT1 17	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Biết được những vấn đề cơ bản về phân tích tài chính doanh nghiệp: khái niệm phân tích tài chính doanh nghiệp, đối tượng phân tích tài chính doanh nghiệp, mục tiêu phân tích tài chính doanh nghiệp + Hiểu, Phân tích được những vấn đề cơ bản về các chính sách huy động và phân bổ các nguồn vốn của doanh nghiệp, hiệu quả sử dụng vốn và đầu tư dài hạn của doanh nghiệp và các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính doanh nghiệp + Vận dụng được những kiến thức đã học để thực hành phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu và các báo cáo tài chính giúp nhà quản trị tài chính đưa ra quyết định tài chính chính xác. + Vận dụng những kiến thức đã học để đánh giá các tình huống cụ thể 	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<p>về phân bổ nguồn vốn, tổng hợp, phân tích và đưa ra nhận xét việc huy động vốn và sử dụng vốn từ đó dự báo rủi ro và định hướng chiến lược tăng trưởng, phát triển tương lai cho doanh nghiệp</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Có khả năng phân tích vấn đề, tìm ra những điểm mấu chốt tình hình tài chính của doanh nghiệp ...</p> <p>+ Kết hợp các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và viết báo cáo phục vụ cho tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp, đưa ra kiến nghị phù hợp.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi.</p> <p>+ Có khả năng học tập lên trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý</p>				
62	KTKE1 26	Phân tích kinh doanh	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu được những kiến thức cơ bản và nâng cao để đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua các hoạt động: Hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính của doanh nghiệp.</p> <p>+ Áp dụng những phương pháp phân tích áp dụng cho từng loại hình của doanh nghiệp, để phân tích tìm ra nguyên nhân tác động đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.</p> <p>+ Tính toán, phân tích được báo cáo tài chính</p> <p>- Về kỹ năng:</p>	34	11	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện được các phương pháp phân tích để giải quyết các tình huống thực tế phát sinh trong lĩnh vực kinh doanh, phân tích tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, tìm ra nguyên nhân tác động đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết học thảo luận và bài tập + Nhận thức được năng lực học tập của bản thân để tích lũy kiến thức + Tuân thủ theo chế độ kế toán hiện hành 				
63	KTKT1 19	Tài chính công	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Hiểu được những vấn đề cơ bản về tài chính công như khái niệm, đặc điểm, vai trò, kết cấu tài chính công, quản lý tài chính công, chính sách tài chính công... + Hiểu được những vấn đề cơ bản về thu nhập công và chi tiêu công: Khái niệm, đặc điểm, phân loại, các nhân tố ảnh hưởng... + Vận dụng được những kiến thức đã học để phân tích và đánh giá thu nhập công, chi tiêu công... + Vận dụng những kiến thức đã học để đánh giá cách quản lý tài sản công - Về kỹ năng: + Có khả năng xử lý, phân tích và đánh giá những vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính của Chính phủ. + Kết hợp các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và đánh giá tình hình tài chính công, đưa ra kiến nghị phù hợp. 	26	19	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi. + Có khả năng học tập lên trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế và quản lý 				
64	KTKT1 20	Kiểm toán ngân sách nhà nước	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Hiểu được những vấn đề cơ bản về Kiểm toán Ngân sách Nhà Nước như: Mục đích, ý nghĩa, chức năng, yêu cầu của Kiểm toán Ngân sách Nhà Nước. + Biết được những công việc cơ bản trong hoạt động trước kiểm toán, hoạt động kiểm toán tại cơ sở và hoạt động sau kiểm toán của một cuộc kiểm toán Ngân sách Nhà Nước + Áp dụng được những kiến thức đã học để lập kế hoạch, tổ chức kiểm toán Ngân sách Nhà Nước + Áp dụng những kiến thức đã học để thực hiện kiểm toán Ngân sách Nhà Nước, đánh giá độ trung thực, hợp lý, tính hiệu quả, hiệu lực trong việc sử dụng Ngân sách Nhà Nước của các đơn vị. - Về kỹ năng: + Nắm vững những nghiệp vụ chuyên môn về kiểm toán Ngân sách Nhà Nước như thu thập, bằng chứng kiểm toán Ngân sách Nhà Nước, phân tích thông tin và đánh giá độ trung thực, hợp lý, tính hiệu quả, hiệu lực trong việc sử dụng Ngân sách Nhà Nước của các đơn vị. + Sử dụng các văn bản quy phạm pháp luật để phát hiện các sai 	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<p>phạm trong việc sử dụng Ngân sách Nhà nước và thiệt hại kinh tế của các sai phạm đó.</p> <p>+ Học được kỹ năng làm việc nhóm để tìm hiểu thêm về kiến thức Kiểm toán Ngân sách Nhà Nước không có trong tài liệu.</p> <p>+ Có khả năng đánh giá và lập báo cáo kiểm toán Ngân sách Nhà Nước dựa trên các thông tin đã được đưa ra khi làm bài tập.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Kết hợp năng lực làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập giải quyết các vấn đề được đưa ra trong các tiết học thảo luận và bài tập.</p> <p>+ Thể hiện năng lực đánh giá và kết luận về các tình huống trong bài tập tình huống và trong thực tiễn.</p> <p>+ Thi tuyển vào Kiểm toán Nhà Nước</p>				
65	KTKT1 21	Bảo hiểm	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu được những vấn đề cơ bản về tổng quan bảo hiểm như: Sự cần thiết khách quan về bảo hiểm, khái niệm bảo hiểm, quá trình ra đời và phát triển của bảo hiểm, vai trò kinh tế xã hội của bảo hiểm, đối tượng và nội dung nghiên cứu của bảo hiểm.</p> <p>+ Hiểu được những vấn đề cơ bản về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thương mại.</p> <p>+ Áp dụng được những kiến thức đã học để mô tả hoạt động bảo hiểm trên thị trường bảo hiểm, cơ chế vận hành của các hình thức bảo hiểm.</p> <p>+ Áp dụng những kiến thức đã học để đánh giá được hoạt động bảo</p>	39	6	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<p>hiêm ở Việt Nam. Từ đó, đưa ra các giải pháp phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Có khả năng phân tích vấn đề, tìm ra những điểm mấu chốt tình hình hoạt động của bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thương mại tại Việt Nam. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các hợp đồng bảo hiểm.</p> <p>+ Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và các kỹ năng phát triển nghề nghiệp khác.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi.</p> <p>+ Duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.</p>				
66	KTKT1 22	Tài chính quốc tế	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Biết được những vấn đề cơ bản về khái niệm, vai trò và nội dung của tài chính quốc tế, thị trường tài chính quốc tế, nội dung của cán cân thanh toán quốc tế.</p> <p>+ Hiểu, Phân tích được những vấn đề cơ bản về các phương pháp xác định tỷ giá hối đoái; chế độ và chính sách tỷ giá ảnh hưởng đến kinh tế vĩ mô, đầu tư quốc tế, tài chính đa quốc gia.</p> <p>+ Vận dụng được những kiến thức đã học để phân tích cơ hội đầu tư quốc tế và lựa chọn phương án tối</p>	36	9	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<p>ưu, sử dụng các phương thức thanh toán quốc tế.</p> <p>+ Vận dụng những kiến thức đã học để đánh giá các tình huống cụ thể về nguồn viện trợ, vay và nợ quốc tế</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Có khả năng phân tích vấn đề, các phương án đầu tư quốc tế, các phương án đầu tư vào thị trường tài chính quốc tế, vấn đề hợp nhất báo cáo tài chính công ty đa quốc gia.</p> <p>+ Kết hợp các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình các vấn đề về tài chính quốc tế</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi.</p> <p>+ Có khả năng học tập lên trình độ cao hơn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.</p>				
2.4 Kiến thức thực tập, khóa luận tốt nghiệp								
67	KTKE1 27	Thực tập tốt nghiệp	6	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hệ thống hóa được các kiến thức về các loại doanh nghiệp, như loại hình, đặc điểm, lĩnh vực hoạt động của các doanh nghiệp; hệ thống hóa các vấn đề cơ bản trong doanh nghiệp: Lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, bộ máy tổ chức quản lý trong doanh nghiệp, bộ máy kế toán, hệ thống kiểm soát nội bộ và các chính sách kế toán chung trong đơn vị.</p> <p>+ Phân tích được tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của đơn vị</p>		320 giờ	180	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<ul style="list-style-type: none"> + Phân tích được thực trạng kế toán tại doanh nghiệp như hệ thống chứng từ sử dụng, tài khoản sử dụng, phương pháp kế toán... + Phân tích được hệ thống kiểm soát nội bộ, quy trình tổ chức kiểm toán tại đơn vị thực tập. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Nắm vững được kỹ năng thu thập thông tin và xử lý số liệu + Thực hiện được một số công việc trong quy trình kế toán như lập, phân loại, lưu trữ chứng từ, ghi sổ nghiệp vụ, lập báo cáo kế toán,... theo chế độ kế toán hiện hành + Thực hiện thiết lập các chính sách và thủ tục kiểm soát cơ bản cho các hoạt động chủ yếu tại đơn vị; Thực hiện được các thủ tục kiểm toán cơ bản để phân tích và xét đoán các bằng chứng kiểm toán. + Thể hiện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức làm việc độc lập trong điều kiện thực tế tại doanh nghiệp, có trách nhiệm với kết quả công việc của mình + Nhận thức được năng lực học tập của bản thân để tích lũy kiến thức + Tuân thủ theo chế độ kế toán, kiểm toán hiện hành 				
68	KTKE1 28	Khóa luận tốt nghiệp	6	Khóa luận tốt nghiệp nghiên cứu một vấn đề chuyên môn thuộc một trong các lĩnh vực: Kế toán, kiểm toán, kiểm soát nội bộ, phân tích tài chính,...		320 giờ	180	
Các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp								
Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp								

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
69	KTKE1 29	Hệ thống chuẩn mực kế toán	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Hiểu được các kiến thức cơ bản liên quan đến chuẩn mực kế toán: quá trình hình thành, khái niệm, ý nghĩa, đặc điểm, những nội dung liên quan đến Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chuẩn mực kế toán quốc tế. + Áp dụng các kiến thức đã học xác định, đánh giá mức độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán. - Về kỹ năng: + Nắm vững các quy định trong Chuẩn mực kế toán để phân tích, đánh giá, xử lý giải quyết các công việc hiệu quả áp dụng Chuẩn mực kế toán. + Thể hiện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: + Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết bài tập và thảo luận. + Nhận thức được năng lực học tập của bản thân tích lũy kiến thức, + Tuân thủ theo chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán 	25	20	90	
70	KTKE1 30	Mô phỏng nghiệp vụ kế toán	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: + Hiểu được các nội dung kế toán chuyên sâu về công tác kế toán trong doanh nghiệp, kế toán các phần hành kế toán cụ thể trong từng loại hình doanh nghiệp. + Áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện các công việc của một kế toán phần hành cụ thể trong các loại hình doanh nghiệp - Về kỹ năng: + Thực hiện lập chứng từ, tính giá các đối tượng kế toán, định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, xác 	18	27	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				<p>định kết quả kinh doanh, ghi sổ kế toán liên quan trong từng loại hình doanh nghiệp theo chế độ kế toán hiện hành</p> <p>+ Thể hiện kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong các tiết bài tập và thảo luận.</p> <p>+ Nhận thức được năng lực học tập của bản thân tích lũy kiến thức,</p> <p>+ Tuân thủ theo chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán.</p>				
<i>Chuyên ngành Kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính</i>								
71	KTKT1 23	Hệ thống chuẩn mực kiểm toán	3	<p>- Về kiến thức:</p> <p>+ Hiểu được các nội dung cơ bản về hoạt động kiểm toán được quy định trong hệ thống chuẩn mực kiểm toán Quốc tế và Việt Nam.</p> <p>+ Giải thích các chuẩn mực kiểm toán.</p> <p>Vận dụng được các chuẩn mực kiểm toán trong hoàn cảnh thực tế kiểm toán.</p> <p>- Về kỹ năng:</p> <p>+ Hiểu được các nguyên tắc đạo đức, các quy định trách nhiệm chi phối quá trình hành nghề của kiểm toán viên.</p> <p>+ Có khả năng vận dụng các phương pháp, thủ tục kiểm toán vào quá trình kiểm toán để đạt được hiệu quả và chất lượng cao nhất.</p> <p>- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</p> <p>+ Khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được học để làm việc độc lập trong các tiết học tình huống và trong các tiết làm việc nhóm.</p>	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				+ Nắm được nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý với phần công việc mình thực hiện				
72	KTKT1 24	Mô phỏng nghiệp vụ kiểm toán	3	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: <ul style="list-style-type: none"> + Hệ thống lại nội dung quy trình kiểm toán trong doanh nghiệp. + Vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực hiện công việc kiểm toán mô phỏng thực tế. + Áp dụng kiến thức chuyên môn về kiểm toán trong thực hiện kiểm toán một số phần hành trong doanh nghiệp. - Về kỹ năng: <ul style="list-style-type: none"> + Nắm vững những nghiệp vụ chuyên môn về chuyên ngành kiểm toán có khả năng thực hiện kiểm toán theo nhu cầu. + Nắm vững được các luật và chuẩn mực trong việc giải quyết các công việc kiểm toán theo đúng luật + Thực hiện thu thập, xử lý thông tin sử dụng thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết vấn đề trong kiểm toán - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> Khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được học để làm việc độc lập và làm việc nhóm cũng như chịu trách nhiệm với phần công việc mình làm 	30	15	90	

Ghi chú: () Các học phần dự kiến sẽ giảng dạy bằng tiếng Anh*

3.4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được Chuẩn đầu ra

TT	HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT															
		Kiến thức				Kỹ năng							Năng lực tự chủ và trách nhiệm				Tổng
		2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	
I	Khởi kiến thức giáo dục đại cương																
1.1	Các học phần chung																
1	Triết học Mác - Lênin	2	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	2	-	-	3
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	-	-	-	-	-	-	2	2	-	-	-	2	2	-	5
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	2	-	-	3
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	-	-	-	-	-	-	2	2	-	-	-	2	-	-	4
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	-	-	-	-	-	-	2	2	-	-	-	2	-	-	4
6	Tiếng Anh 1	2	-	-	-	2	-	-	-	2	-	-	2	-	2	-	5
7	Tiếng Anh 2	2	-	-	-	2	-	-	-	2	-	-	2	-	2	-	5
8	Tiếng Anh 3	2	-	-	-	2	-	-	-	2	-	-	2	-	2	-	5
1.2	Các học phần bắt buộc của Trường																
9	Pháp luật đại cương	2	-	-	-	-	-	2	-	2	-	-	-	2	-	-	4
10	Tin học đại cương	2	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	2	2	-	4
1.3	Các học phần của ngành																
11	Kinh tế vi mô	2	2	-	-	-	-	-	2	2	-	-	2	-	2	-	6
12	Kinh tế vĩ mô	2	2	-	-	-	-	-	2	2	2	2	2	-	2	-	8
13	Toán kinh tế	2	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	2	-	2	-	4
14	Kinh tế số	2	2	-	-	-	2	-	2	2	-	-	2	2	-	-	7

TT	HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT															
		Kiến thức				Kỹ năng							Năng lực tự chủ và trách nhiệm				Tổng
		2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	
15	Khởi sự kinh doanh	2	2	-	-	-	-	-	-	-	2	2	2	2	2	3	8
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																
2.1	Kiến thức cơ sở ngành																
16	Nguyên lý kế toán	-	2	1	-	-	2	2	-	2	-	-	2	2	2	-	8
17	Quản trị học	2	2	-	-	-	2	-	2	-	2	-	2	-	2	-	7
18	Quản trị kinh doanh	2	2	-	-	-	-	-	-	-	2	2	2	2	2	-	7
19	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh	2	2	1	-	-	-	-	2	2	-	2	2	-	2	-	8
20	Tài chính tiền tệ	-	2	-	-	-	-	-	2	2	-	2	2	2	2	-	7
21	Thông kê doanh nghiệp	-	2	-	-	-	-	2	-	-	-	-	2	2	-	-	4
2.2	Kiến thức ngành																
2.2.1	Bắt buộc																
22	Kế toán tài chính 1	-	-	2	2	-	2	2	-	2	-	-	2	2	2	-	8
23	Kế toán tài chính 2	-	-	2	-	-	2	2	-	2	-	-	2	2	2	-	7
24	Kế toán quản trị 1	-	-	2	-	-	2	-	-	2	-	2	2	2	2	-	7
25	Thuế và kế toán thuế	1	1	2	-	-	2	2	-	2	3	-	2	2	2	-	10
26	Lý thuyết kiểm toán	1	-	-	2	-	2	2	-	2	2	-	2	2	-	-	8
27	Kế toán máy	-	-	2	2	-	2	-	-	2	3	-	2	2	2	-	8

TT	HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT															
		Kiến thức				Kỹ năng							Năng lực tự chủ và trách nhiệm				Tổng
		2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	
28	Tiếng anh chuyên ngành	2	-	2	-	2	2	-	-	2	-	-	2	-	2	-	7
29	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	1	-	2	-	-	-	-	-	3	-	2	2	2	-	-	6
30	Tham quan nhận thức 1	-	2	-	-	-	-	-	-	2	2	-	2	-	2	-	5
31	Tham quan nhận thức 2	-	2	-	-	-	-	-	-	2	2	-	2	-	2	-	5
32	Thực tập nghề nghiệp 1	1	2	-	-	-	2	2	-	2	2	-	2	-	2	-	8
33	Thực tập nghề nghiệp 2	1	-	2	-	-	2	2	-	2	2	-	2	-	2	-	8
34	Thực tập nghề nghiệp 3	1	-	2	-	-	2	2	-	2	2	-	2	-	2	-	8
2.2.2	<i>Tự chọn</i>																
35	Kế toán quản trị 2	-	-	2	-	-	2	-	-	2	-	2	2	2	2	-	7
36	Đạo đức nghề nghiệp	1	-	2	2	-	-	2	-	2	-	-	2	2	-	-	7
37	Kiểm toán tài chính	1	1	2	2	-	2	2	-	2	2	-	2	2	-	2	11
38	Kế toán hành chính sự nghiệp	-	1	2	2	-	2	2	-	2	-	-	2	2	2	-	9
39	Phân tích báo cáo tài chính	-	-	2	2	-	2	-	-	-	-	-	2	2	2	-	6
40	Kế toán công ty	-	-	2	-	-	2	-	2	2	-	-	2	2	2	-	7

TT	HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT															
		Kiến thức				Kỹ năng							Năng lực tự chủ và trách nhiệm				Tổng
		2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	
41	Nguyên lý thẩm định giá	-	-	2	2		2	2	2	2	-	2	2	2	-	2	10
42	Thương mại điện tử	-	2	2	-	-	2	-	-	2	2	2	2	2	2	1	10
2.3	Kiến thức chuyên ngành																
2.3.1	<i>Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp</i>																
43	Kế toán chi phí	-	1	2	2	-	2	-	2	2	-	-	2	2	2	-	9
44	Kế toán ngân hàng	-	-	2	-	-	2	2	-	-	-	-	2	2	-	-	5
45	Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ	-	1	2	2	-	2	2	-	2	-	-	2	2	2	-	9
46	Kế toán quốc tế	-	-	2	-	-	2	2	-	2	-	-	2	2	2	-	9
47	Hệ thống thông tin kế toán	-	-	2	2	-	2	-	-	2	2	-	2	-	2	-	7
48	Quản trị dự án đầu tư	-	2	-	-	-	-	-	2	-	-	-	2	-	2	-	4
49	Ngân hàng thương mại	-	2	-	-	-	-	-	2	2	-	-	2	-	2	-	5
50	Thị trường chứng khoán	-	2	-	2	-	-	-	2	2	-	-	2	-	2	-	6
51	Đại cương về kế toán tập đoàn	-	2	2	-	-	2	2	-	2	-	-	2	-	2	-	7
52	Tổ chức công tác kế toán trong	-	-	2	-	-	2	-	-	2	2	-	2	2	2	-	7

TT	HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT															
		Kiến thức				Kỹ năng							Năng lực tự chủ và trách nhiệm				Tổng
		2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	
	Các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp																
	<i>Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp</i>																
67	Hệ thống chuẩn mực kế toán	-	-	2	-	-	2	2	-	2	-	-	2	2	2	-	7
68	Mô phỏng nghiệp vụ kế toán	-	-	2	-	-	2	2	-	2	-	-	2	2	2	-	7
	<i>Chuyên ngành Kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính</i>																
69	Hệ thống chuẩn mực kiểm toán	-	-	-	2	-	2	2	-	-	-	-	2	2	-	-	5
70	Mô phỏng nghiệp vụ kiểm toán	-	-	-	2	-	2	2	-	-	2	-	2	-	-	-	5
	Tổng	27	30	31	25	5	38	27	23	56	22	12	61	43	49	9	-

Mức đóng góp: nhiều (3); trung bình (2); ít (1); không (-).

3.5. Kế hoạch học tập dự kiến phân bố theo học kỳ

STT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ							
			Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Năm thứ 4	
			HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
I	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG									
1.1	<i>Các học phần chung</i>									
1	Triết học Mác - Lênin	LCML101	3							
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	LCML102		2						
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LCML103		2						
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	LCLS101				2				
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LCTT101			2					
6	Tiếng Anh 1	NNTA101	3							
7	Tiếng Anh 2	NNTA102		3						
8	Tiếng Anh 3	NNTA103			2					
1.2	<i>Các học phần bắt buộc của Trường</i>									

STT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ							
			Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Năm thứ 4	
			HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
9	Pháp luật đại cương	LCPL101			2					
10	Tin học đại cương	CTKU101	2							
1.3	Các học phần của ngành									
11	Kinh tế vi mô	KTKH101	3							
12	Kinh tế vĩ mô	KTKH102		3						
13	Toán kinh tế	KĐTO105	2							
14	Kinh tế số	KTKH103	2							
15	Khởi sự kinh doanh	KTKD101					2			
II	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP									
2.1	Kiến thức cơ sở ngành									
16	Nguyên lý kế toán	KTKE101			3					
17	Quản trị học	KTKD105		3						
18	Quản trị kinh doanh	KTKD169			2					
19	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh	KTKD113			2					
20	Tài chính tiền tệ	KTKT101		2						
21	Thống kê doanh nghiệp	KTKH133			2					
2.2	Kiến thức ngành									
2.2.1	Bắt buộc									
22	Kế toán tài chính 1	KTKE102				3				
23	Kế toán tài chính 2	KTKE103					3			
24	Kế toán quản trị 1	KTKE104				3				
25	Thuế và kế toán thuế	KTKE105						4		
26	Lý thuyết kiểm toán	KTKT111				3				
27	Kế toán máy	KTKE106						2		
28	Tiếng anh chuyên ngành	KTKE107				3				
29	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	KTKE108						2		
30	Tham quan nhận thức 1	KTKE109		1						
31	Tham quan nhận thức 2	KTKE110			1					
32	Thực tập nghề nghiệp 1	KTKE111				4				
33	Thực tập nghề nghiệp 2	KTKE112					5			
34	Thực tập nghề nghiệp 3	KTKE113						5		

STT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ								
			Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Năm thứ 4		
			HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	
59	Phân tích tài chính doanh nghiệp	KTKT117								3	
60	Phân tích kinh doanh	KTKE126								3	
61	Tài chính công	KTKT119								3	
62	Kiểm toán ngân sách nhà nước	KTKT120								3	
63	Bảo hiểm	KTKT121								3	
64	Tài chính quốc tế	KTKT122								3	
2.4	<i>Kiến thức thực tập, khóa luận tốt nghiệp</i>										
65	Thực tập tốt nghiệp	KTKE127									6
66	Khóa luận tốt nghiệp	KTKE128									6
	Các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp										
	<i>Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp</i>										
67	Hệ thống chuẩn mực kế toán	KTKE129									3
68	Mô phỏng nghiệp vụ kế toán	KTKE130									3
	<i>Chuyên ngành Kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính</i>										
69	Hệ thống chuẩn mực kiểm toán	KTKT123									3
70	Mô phỏng nghiệp vụ kiểm toán	KTKT124									3
	Tổng số tín chỉ (133)		15	16	16	18	19/24	19/21	18/33	12	

3.6. Mô tả nội dung và khối lượng các học phần

1. Triết học Mác- Lênin

3TC

Học phần Triết học Mác-Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học, là học phần tiên quyết, trang bị thể giới quan và phương pháp luận làm tiền đề cho việc học tập các học phần lý luận chính trị tiếp theo.

Nội dung học phần gồm 3 chương, ngoài khái quát những tri thức chung về triết học, học phần trang bị những kiến thức cơ bản về triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và ý nghĩa phương pháp luận của những kiến thức triết học đối với thực tiễn.

2. Kinh tế chính trị Mác- Lênin

2TC

Kinh tế chính trị Mác – Lênin là học phần bắt buộc thuộc các môn Lý luận chính trị trong giáo dục đại học, cung cấp những tri thức cơ bản về nền kinh tế hàng hóa, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, giúp người học nhận diện đúng mối quan hệ xã hội của

sản xuất và trao đổi, góp phần xây dựng và củng cố nền tảng tư duy kinh tế, lập trường chính trị, phương pháp học tập, nghiên cứu nhằm đáp ứng yêu cầu của đất nước hiện nay.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2TC

Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học, là tiền đề cho hai học phần tiếp theo là Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam.

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

2TC

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, thuộc các môn lý luận chính trị;

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018);

Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2TC

Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, thuộc các môn lý luận chính trị. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, giúp sinh viên nhận thức sâu sắc giá trị khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Qua đó, sinh viên có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, tích cực học tập, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

6. Tiếng Anh 1

3TC

Học phần “*Tiếng Anh 1*” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm chung: công việc hàng ngày, thói quen, sở thích, du lịch, đất nước, con người... Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: giới thiệu bản thân, giải quyết những vấn đề thường

gặp khi giao tiếp trên điện thoại và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.

7. Tiếng Anh 2

3TC

Học phần “*Tiếng Anh 2*” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, so sánh của tính từ - trạng từ, động từ khuyết thiếu... và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm như: nghề nghiệp, lễ hội, du lịch... ở mức độ tiền trung cấp. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mức độ tiền trung cấp thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: gọi điện thoại, thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.

8. Tiếng Anh 3

2TC

Học phần “*Tiếng Anh 3*” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, thể bị động của quá khứ đơn, hiện tại đơn, hiện tại hoàn thành tiếp diễn với các từ xác định và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều điểm chung: hiện tại và quá khứ, sức khỏe, các bệnh thường gặp, các vật dụng hàng ngày, tiền tệ. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống như: cuộc sống hiện tại và quá khứ, thực hành những đoạn hội thoại liên quan về sức khỏe và tai nạn, tìm hiểu về các thương hiệu nổi tiếng trên thế giới, tìm hiểu kỹ hơn về các vận dụng hàng ngày cần thiết khi mang đi du lịch.

9. Pháp luật đại cương

2TC

Học phần “*Pháp luật đại cương*” là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức đại cương của tất cả các chuyên ngành đào tạo trong trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Mục tiêu của học phần này nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật; những nội dung về các ngành luật cơ bản và Pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Sau khi kết thúc học phần, người học biết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những tình huống trong thực tế.

10. Tin học đại cương

2TC

Học phần “*Tin học đại cương*” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần tin học đại cương trang bị các kiến thức cơ bản, hệ thống về công nghệ thông tin như: khái niệm thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet, ứng dụng của công nghệ thông tin; sinh viên hiểu rõ các chức năng và cách làm việc với máy tính trong công việc thông thường, làm quen với một số

hệ điều hành thông dụng và biết cách giao tiếp với hệ điều hành Windows; biết sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel và MS Powerpoint.

11. Kinh tế vi mô

3TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: lý thuyết về cầu - cung hàng hóa và giá cả hàng hóa trên thị trường; lý thuyết về sản xuất (tối đa hóa sản lượng), về chi phí sản xuất (tối thiểu hóa chi phí) và về lợi nhuận (tối đa hóa lợi nhuận); Các lý thuyết về cấu trúc của thị trường hàng hóa (thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo) và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp hoạt động trong các thị trường này. Đồng thời, học phần cũng nghiên cứu hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng; phân tích các yếu tố xác định giá và lượng trong thị trường hàng hóa và thị trường các yếu tố sản xuất. Ý nghĩa của các loại cơ cấu thị trường; Phân tích những thất bại vốn có của thị trường và vai trò Chính phủ trong việc can thiệp vào một số thất bại của thị trường.

12. Kinh tế vĩ mô

3TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Kinh tế học vĩ mô (Macroeconomic) là một phân ngành của kinh tế học chuyên nghiên cứu về đặc điểm, cấu trúc và hành vi của cả một nền kinh tế nói chung. Kinh tế học vĩ mô và kinh tế học vi mô là hai lĩnh vực chung nhất của kinh tế học. Trong khi kinh tế học vi mô chủ yếu nghiên cứu về hành vi của các cá thể đơn lẻ như công ty và cá nhân người tiêu dùng, kinh tế học vĩ mô lại nghiên cứu các chỉ tiêu cộng hưởng như GDP, tỉ lệ thất nghiệp, và các chỉ số giá cả để hiểu cách hoạt động của cả nền kinh tế. Học phần bao gồm 7 chương, sẽ cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô đơn giản; những nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng của một nền kinh tế, hay các vấn đề về lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách của nền kinh tế mở.

13. Toán kinh tế

2TC

Học phần “*Toán kinh tế*” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức về: đại số, giải tích, ứng dụng và ý nghĩa của chúng trong phân tích kinh tế. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên để áp dụng vào các lĩnh vực khoa học khác.

14. Kinh tế số

2TC

Học phần Kinh tế số cung cấp cho sinh viên những đặc trưng cơ bản của kinh tế số và các vấn đề liên quan đến nó, các ứng dụng của kinh tế thông tin trong các lĩnh vực số khác nhau, các thành phần cốt lõi của kinh tế số là kinh tế đổi mới, quyền sở hữu trí tuệ và công nghệ chuỗi khối. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu các đặc trưng nền tảng kinh tế và thị trường song song phát sinh trong lĩnh vực số, nghiên cứu cơ bản về bán

hàng trực tuyến và thương mại điện tử, quyền sở hữu trí tuệ trong kinh tế đổi mới và công nghệ mới chuỗi khối.

15. Khởi sự kinh doanh

2TC

Học phần trình bày các vấn đề cơ bản bao gồm: Khái niệm kinh doanh, khởi sự kinh doanh, phương thức, quy trình và chiến lược khởi sự kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh. Ứng dụng các lý thuyết về khởi sự để phân tích, đánh giá, tạo lập doanh nghiệp và triển khai hoạt động kinh doanh.

16. Nguyên lý kế toán

3TC

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về:

- Khái niệm, các nguyên tắc cơ bản;
- Đối tượng nghiên cứu của kế toán;
- Hệ thống phương pháp kế toán gồm: Phương pháp chứng từ, phương pháp đối ứng tài khoản, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp cân đối;
- Các quá trình kinh doanh chủ yếu;
- Các hình thức kế toán; Tổ chức bộ máy kế toán.

17. Quản trị học

3TC

Học phần cung cấp cho người học các nội dung cơ bản như: Khái niệm quản trị, nhà quản trị và các kỹ năng của nhà quản trị. Ứng dụng các lý thuyết về môi trường quản trị dùng để phân tích, đánh giá phục vụ ra quyết định trong quá trình quản trị và bốn chức năng cơ bản của nhà quản trị đó là chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm tra.

18. Quản trị kinh doanh

2TC

Học phần quản trị kinh doanh cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về quản trị kinh doanh, các hoạt động marketing, quản trị nhân lực, quản trị tài chính, quản trị chất lượng, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, giúp người học triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

19. Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh

2TC

Học phần Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh giúp người học khái quát hóa được các vấn đề chung về hợp đồng kinh tế trong kinh doanh trên phương diện lý luận và thực tiễn; Nghiên cứu và dự thảo mẫu một số loại hợp đồng kinh tế trong kinh doanh như hợp đồng mua bán hàng hoá, hợp đồng kinh tế dịch vụ, hợp đồng vận chuyển hàng hóa, hợp đồng kinh tế trong liên kết kinh tế, hợp đồng hợp tác và liên doanh với nước ngoài.

20. Tài chính tiền tệ

2TC

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau:

- Các khái niệm căn bản về phạm trù tài chính – tiền tệ, các bộ phận của hệ thống tài chính;

- Những vấn đề liên quan đến lãi suất và tín dụng, các phương pháp tính lãi;
- Khái niệm, thành phần của ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp;
- Những vấn đề về thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian đặc biệt là ngân hàng thương mại, ngân hàng Trung ương và chính sách tiền tệ, tài chính quốc tế...

21. Thống kê doanh nghiệp

2TC

Học phần thuộc khối kiến thức ngành của các chuyên ngành thuộc ngành Kế toán trong chương trình đào tạo đại học. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm, đối tượng, phạm vi nghiên cứu và nhiệm vụ của thống kê kinh doanh; Thống kê các kết quả sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu đo lường kết quả sản xuất kinh doanh và phân tích các kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; Thống kê tài sản trong doanh nghiệp như: khái niệm, phân loại, theo dõi và sử dụng tài sản lưu động và tài sản cố định; Thống kê lao động trong doanh nghiệp: giới thiệu những kiến thức về lao động, số lượng và phân loại lao động; thống kê về số lượng và chất lượng lao động; thống kê tình hình biến động về năng suất, thời gian và thu nhập của lao động trong doanh nghiệp; Thống kê giá thành sản phẩm: giới thiệu về giá thành sản phẩm và phân tích tình hình biến động và hoàn thành kế hoạch giá thành sản phẩm; Thống kê hiệu quả sản xuất kinh doanh: giới thiệu những vấn đề chung về thống kê hiệu quả sản xuất kinh doanh và một số chỉ tiêu tính toán thống kê hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

22. Kế toán tài chính 1

3TC

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức chuyên ngành về kế toán trong doanh nghiệp bao gồm: Các khái niệm, nguyên tắc kế toán, sổ sách, chứng từ, tài khoản sử dụng, phương pháp kế toán về kế toán tài sản cố định; kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dịch vụ; kế toán tiêu thụ thành phẩm, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.

23. Kế toán tài chính 2

3TC

Học phần Kế toán tài chính 2 trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tổng quan và phương pháp kế toán

- Vốn bằng tiền và đầu tư tài chính;
- Kế toán các khoản ứng trước và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại;
- Kế toán các khoản phải thu;
- Kế toán các khoản phải trả;
- Kế toán nguồn vốn CSH;
- Báo cáo tài chính.

24. Kế toán quản trị 1**3TC**

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về:

- Bản chất, chức năng thông tin và tổ chức kế toán quản trị trong doanh nghiệp;
- Nội dung, ý nghĩa việc phân loại chi phí theo tiêu các tiêu thức cụ thể;
- Các phương pháp xác định chi phí sản xuất sản phẩm truyền thống và hiện đại;
- Mối quan hệ giữa chi phí, sản lượng và lợi nhuận trong việc ra quyết định kinh doanh;
- Một số loại dự toán ngân sách cơ bản của doanh nghiệp;

25. Thuế và kế toán thuế**4TC**

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về:

- Thuế GTGT;
- Thuế xuất nhập khẩu
- Thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế khác, phí và lệ phí
- Hướng dẫn các bước kê khai, nộp và quyết toán các loại thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, lệ phí môn bài trên phần mềm hỗ trợ kê khai thuế.

26. Lý thuyết kiểm toán**3TC**

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về:

- Nắm bắt được các kiến thức cơ bản về lĩnh vực kiểm toán như quá trình hình thành và phát triển của kiểm toán, đặc điểm và vai trò của kiểm toán, các loại hình kiểm toán, các khái niệm về kiểm soát nội bộ, bằng chứng kiểm toán, kỹ thuật kiểm toán, trọng yếu, rủi ro kiểm toán, quy trình kiểm toán;
- Nắm bắt được các Kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy để đánh giá đạo đức nghề nghiệp kiểm toán, xác định sai phạm và phân tích ảnh hưởng của các sai phạm đến báo cáo tài chính của đơn vị được kiểm toán, nhận biết và phân tích các dạng ý kiến của kiểm toán viên.

27. Kế toán máy**2TC**

Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức về:

- Kiến thức về toàn bộ các vấn đề liên quan đến tự động hóa công tác kế toán dựa trên công nghệ thông tin hiện đại.
- Kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin kế toán cùng các chu trình nghiệp vụ điển hình của hệ thống thông tin kế toán trong tổ chức doanh nghiệp, làm cơ sở phương pháp luận cho việc phát triển ứng dụng kế toán máy cho doanh nghiệp.

- Kiến thức về các phân hệ kế toán điển hình trong hệ thống thông tin kế toán, theo đó mỗi phân hệ nghiệp vụ kế toán được xem xét dưới góc độ xử lý thông tin trong mối quan hệ tổng thể về mặt dữ liệu với các phân hệ nghiệp vụ khác.

28. Tiếng anh chuyên ngành 3TC

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về:

- Ngữ pháp, từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành;
- Kiến thức chuyên sâu về các vấn đề chuyên ngành kế toán bằng tiếng Anh.

29. Kỹ năng phát triển nghề nghiệp 2TC

Học phần này trang bị cho người học kiến thức về:

- Các kỹ năng cơ bản để phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán nói riêng và thực tiễn nói chung;
- Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tìm kiếm việc làm, kỹ năng lập kế hoạch và ra quyết định;

30. Tham quan nhận thức 1 1TC

Học phần này cung cấp cho sinh viên tham quan, tìm hiểu về các khái niệm cơ bản, mô hình tổ chức hoạt động, đặc điểm hoạt động kinh doanh của một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ.

31. Tham quan nhận thức 2 1TC

Học phần này cung cấp cho sinh viên tham quan, tìm hiểu về các khái niệm cơ bản, mô hình tổ chức hoạt động, đặc điểm hoạt động kinh doanh của một số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh

32. Thực tập nghề nghiệp 1 4TC

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức thực hành tại đơn vị thực tập về:

- Quy mô, đặc điểm ngành nghề và các hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị;
- Cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động của đơn vị;
- Tổ chức bộ máy kế toán của đơn vị;
- Tổ chức công tác kế toán chung tại đơn vị.

33. Thực tập nghề nghiệp 2 5TC

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức thực tế tại đơn vị thực tập về: Đặc điểm và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị và cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động của đơn vị; tổ chức công tác kế toán tại đơn vị và đi sâu vào nội dung kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu tại đơn vị.

34. Thực tập nghề nghiệp 3**5TC**

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức thực tế tại đơn vị thực tập về:

- Đặc điểm tổ chức, ngành nghề và các hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị thực tập;
- Tình hình tài chính và kinh doanh của đơn vị;
- Tình hình tổ chức công tác kế toán hoặc hệ thống kiểm soát nội bộ tại đơn vị;
- Kế toán thực tế một số phần hành kế toán hoặc các quy trình kiểm soát nội bộ chủ yếu trong đơn vị thực tập.

35. Kế toán quản trị 2**3TC**

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về:

- Phân tích biến động các khoản mục chi phí, biến động tiêu thụ và báo cáo dự toán linh hoạt
- Các loại trung tâm trách nhiệm, các phương pháp xác định chi phí và báo cáo kết quả kinh doanh
- Định giá bán sản phẩm trong doanh nghiệp
- Phân tích thông tin để ra quyết định ngắn hạn và dài hạn

36. Đạo đức nghề nghiệp**3TC**

Học phần này trang bị cho người học kiến thức về:

- Đạo đức nghề nghiệp, quy trình nhận diện vấn đề đạo đức nghề nghiệp;
- Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.

37. Kiểm toán tài chính**3TC**

Sau khi nghiên cứu môn học Kiểm toán tài chính, người học phải trình bày được những kiến thức tổng quan về kiểm toán như: khái niệm, đối tượng và mục tiêu kiểm toán, làm quen với các phương pháp kiểm toán, thực hiện quy trình kiểm toán một số các khoản mục cơ bản của doanh nghiệp: kiểm toán tiền, kiểm toán hàng tồn kho, kiểm toán doanh thu, kiểm toán giá vốn hàng bán và chi phí.

Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống.

38. Kế toán hành chính sự nghiệp**3TC**

Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức về:

- Khái niệm, nhiệm vụ của đơn vị hành chính sự nghiệp.
- Tổ chức bộ máy của đơn vị hành chính sự nghiệp

- Kiến thức cơ bản nhất về Kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp về chứng từ sử dụng, phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong các đơn vị hành chính sự nghiệp, cách lập và đọc các Báo cáo tài chính.

39. Phân tích báo cáo tài chính

3TC

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về:

- Đọc, kiểm tra và phân tích các báo cáo tài chính trong doanh nghiệp như: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

- Phương pháp và chỉ tiêu phân tích các hoạt động trong doanh nghiệp như: Hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua các chỉ tiêu đánh giá và phân tích cụ thể như: Phân tích hoạt động đầu tư tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn, khả năng sinh lời, tình hình tín dụng,.. nhằm phục vụ cho nhà quản trị đưa ra quyết định.

40. Kế toán công ty

3TC

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về:

- Bản chất, chức năng thông tin và tổ chức các loại hình kế toán trong doanh nghiệp;

- Nội dung, ý nghĩa việc làm kế toán trong công ty;

- Phương pháp kế toán trong từng giai đoạn của công ty

- Nội dung các loại báo cáo trong hệ thống báo cáo tài chính;

41. Nguyên lý thẩm định giá

2TC

Nguyên lý thẩm định giá là môn học bổ trợ ngành quan trọng, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thẩm định giá: khái niệm, mục đích, nguyên tắc thẩm định giá; các đối tượng thẩm định giá. Trên cơ sở đó, vận dụng được các phương pháp thẩm định giá phù hợp với từng loại tài sản cần thẩm định giá; trình bày được quy trình thẩm định giá; các nội dung của hồ sơ thẩm định giá và hiểu về pháp luật trong hoạt động thẩm định giá.

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về:

- Khái niệm, mục đích, nguyên tắc; các đối tượng thẩm định giá;

- Các phương pháp thẩm định giá;

- Tổ chức công tác định giá;

- Pháp luật trong hoạt động thẩm định giá.

42. Thương mại điện tử

3TC

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở công nghệ của thương mại điện tử và hệ thống thanh toán trong thương mại internet; vấn đề an

ninh, bảo mật trong thương mại điện tử và các mô hình giao dịch trong thương mại điện tử hiện nay, quản trị chiến lược thương mại điện tử.

43. Kế toán chi phí

3TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chi phí, giá thành, các mô hình xác định chi phí. Đồng thời giúp người học tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo các phương pháp: chi phí thực tế, chi phí thực tế kết hợp chi phí ước tính và kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo định mức.

44. Kế toán ngân hàng

3 TC

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về:

Nội dung, phương pháp kế toán huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng, nghiệp vụ thanh toán, kinh doanh ngoại tệ, nghiệp vụ ngân quỹ, quản lý tài sản cố định, xác định kết quả kinh doanh, phân phối lợi nhuận và Báo cáo tài chính. Trên cơ sở đó vận dụng những kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế kế toán Ngân hàng.

45. Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ

3 TC

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, đặc điểm của nghiệp vụ mua bán hàng hóa trong nước và phương pháp kế toán các nghiệp vụ mua hàng, bán hàng trong nước. Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu và phương pháp kế toán các nghiệp vụ nhập khẩu, xuất khẩu trực tiếp và nhập xuất khẩu ủy thác, phương pháp kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành dịch vụ vận tải, kinh doanh nhà hàng, khách sạn.

46. Kế toán quốc tế

3 TC

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về:

- Kế toán quốc tế nói chung và Kế toán Mỹ nói riêng.

- Tổng hợp và đánh giá khái quát được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp về: kế toán tài sản ngắn hạn, kế toán hàng tồn kho, kế toán TSCĐ, kế toán nợ phải trả, kế toán vốn chủ sở hữu, kế toán các hoạt động mua bán trong thương mại.

47. Hệ thống thông tin kế toán

3 TC

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về:

- Khái niệm và vai trò của hệ thống thông tin kế toán trong quản trị doanh nghiệp;
- Tiến trình kế toán, chu trình xử lý nghiệp vụ trong hệ thống thông tin kế toán;
- Tổng quan về xử lý nghiệp vụ kế toán; Hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán trong hệ thống thông tin kế toán;
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống kế toán hiện đại;
- Tổ chức và thực hiện công tác kế toán qua phần mềm kế toán.

48. Quản trị dự án đầu tư**3 TC**

Học phần Quản trị dự án đầu tư nghiên cứu các vấn đề liên quan đến việc lập và quản trị một dự án đầu tư. Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề như: lập kế hoạch và lựa chọn phương án dự án đầu tư; quản trị thời gian và tiến độ công việc theo mạng thời gian theo phương pháp sơ đồ PERT và theo phương pháp sơ đồ GANTT; bố trí và điều phối nguồn lực thực hiện dự án theo như bản lập dự án; dự toán ngân sách và quản trị chi phí của một dự án; quản trị chất lượng và rủi ro trong quá trình dự án được thực hiện.

49. Ngân hàng thương mại**3 TC**

Ngân hàng thương mại là học phần thuộc khối kiến thức ngành thuộc ngành Kế toán trong chương trình đào tạo đại học. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: nguồn vốn và quản lý nguồn vốn (nguồn vốn huy động và đi vay, nguồn vốn chủ sở hữu), tài sản và quản lý tài sản của ngân hàng thương mại, các chính sách tín dụng, đo lường rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất và quản lý khả năng thanh khoản của ngân hàng thương mại.

50. Thị trường chứng khoán**3 TC**

Thị trường chứng khoán là học phần thuộc khối kiến thức ngành thuộc ngành Kế toán trong chương trình đào tạo đại học. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Tổng quan thị trường chứng khoán, chứng khoán, thị trường chứng khoán sơ cấp, thị trường chứng khoán thứ cấp, phân tích chứng khoán và đầu tư chứng khoán.

51. Đại cương về kế toán tập đoàn**3 TC**

Học phần này trang bị cho người học kiến thức về:

- Tổ chức công tác kế toán đơn vị hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con; các doanh nghiệp hoạt động theo mô hình tổng công ty.
- Phương pháp lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất.

52. Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp**3 TC**

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về:

- Tổ chức, thực hiện công tác kế toán tại một đơn vị kế toán, chủ yếu là trong các doanh nghiệp;
- Khái niệm, bản chất, vai trò của tổ chức kế toán;
- Các nguyên tắc tổ chức và nội dung tổ chức công tác kế toán.

53. Thanh toán quốc tế**3 TC**

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau:

- Tổng quan về thanh toán quốc tế, nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu;

- Những vấn đề về các phương thức vận tải và chứng từ thương mại trong kinh doanh quốc tế, các phương tiện và phương thức trong thanh toán quốc tế;
- Các phương pháp xác định tỷ giá hối đoái; rủi ro trong thanh toán quốc tế; những điều khoản cần có trong hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Những vấn đề về vận chuyển hàng hóa liên quan đến giao dịch quốc tế.

54. Kiểm toán hoạt động

3 TC

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được tổng quan chung về kiểm toán hoạt động như khái niệm, vai trò và các yếu tố cấu thành nên hệ thống kiểm toán hoạt động. Có kỹ năng nhận diện, phân tích được các sai phạm thường xảy ra trong doanh nghiệp và đề xuất biện pháp hạn chế. Đồng thời người học hiểu được mục tiêu và nội dung một số quy trình kiểm soát nội bộ chính trong các doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống

55. Kiểm toán môi trường

3 TC

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được tổng quan chung về kiểm toán môi trường như khái niệm, vai trò và quy trình kiểm toán môi trường. Trên cơ sở đó, vận dụng được những kiến thức cơ bản về kiểm toán môi trường như mục đích, ý nghĩa, chức năng, yêu cầu và các công việc cơ bản trong hoạt động trước kiểm toán, hoạt động kiểm toán tại cơ sở và hoạt động sau kiểm toán của một cuộc kiểm toán môi trường.

56. Kiểm toán nội bộ

3 TC

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được những vấn đề chung về kiểm toán nội bộ, như: Chức năng, nhiệm vụ, vai trò của kiểm toán nội bộ; Chuẩn mực kiểm toán nội bộ và các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp kiểm toán nội bộ; Mô hình tổ chức bộ phận kiểm toán nội bộ trong các doanh nghiệp cùng mối quan hệ của chúng với các bộ phận khác; Đồng thời người học hiểu được các phương pháp kiểm toán đc kiểm toán nội bộ vận dụng trong quy trình kiểm toán.

Trên cơ sở đó, vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết các bài tập tình huống xảy ra trong thực tiễn cuộc sống.

57. Kiểm soát nội bộ

3 TC

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về:

- + Khái niệm, các yếu tố cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ;
- + Phân tích được những hạn chế vốn có của hệ thống kiểm soát nội bộ;
- + Phương thức nhận diện gian lận. Xác định những gian lận phổ biến trên báo cáo tài chính và biện pháp phòng ngừa, phát hiện gian lận;
- + Quy trình kiểm soát nội bộ các phần hành chính trong doanh nghiệp.

Học phần này là học phần trong hướng chuyên sâu của chuyên ngành kế toán, kiểm toán và phân tích tài chính trong chương trình đào tạo ngành Kế toán giúp sinh viên chuyên ngành có cái nhìn toàn diện về lĩnh vực nghiên cứu.

58. Quản trị tài chính doanh nghiệp

3 TC

Quản trị tài chính doanh nghiệp là môn học bổ trợ ngành quan trọng, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính: khai niệm, vai trò, nội dung của quản trị tài chính, các quyết định tài chính của doanh nghiệp, các công cụ sử dụng trong quản trị tài chính, quản trị tài sản và nguồn vốn, chính sách phân phối lợi nhuận. Trên cơ sở đó, vận dụng để phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp; huy động và sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; phân bổ vốn và các quyết định đầu tư; đọc và hiểu các báo cáo tài chính và sử dụng thông tin tài chính trong quá trình ra quyết định.

59. Phân tích tài chính doanh nghiệp

3 TC

Phân tích tài chính doanh nghiệp là môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp bao gồm:

- Mục tiêu, chức năng của phân tích tài chính doanh nghiệp;
- Đối tượng và phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp;
- Các báo cáo tài chính trong phân tích tài chính doanh nghiệp;
- Phân tích về tình hình huy động, đầu tư và sử dụng vốn;
- Phân tích các chính sách tài chính doanh nghiệp;
- Phân tích tiềm lực tài chính của doanh nghiệp;
- Phân tích và dự báo rủi ro trong doanh nghiệp.

Trên cơ sở đó, vận dụng để phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp; huy động và sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; phân bổ vốn và các quyết định đầu tư; đọc và hiểu các báo cáo tài chính và sử dụng thông tin tài chính trong việc dự báo tình hình tài chính, rủi ro, khả năng tăng trưởng và định giá doanh nghiệp, giúp cho nhà quản lý đưa ra các quyết định quản lý hợp lý, phù hợp với mục tiêu mà doanh nghiệp quan tâm.

60. Phân tích kinh doanh

3 TC

Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức về:

- Các mục tiêu, đối tượng của phân tích;
- Kiến thức cơ bản về phương pháp phân tích tình hình hoạt động kinh tế của doanh nghiệp;
- Các phương pháp phân tích được áp dụng trực tiếp vào các loại doanh nghiệp để phân tích tìm ra nguyên nhân tác động đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm giúp cho nhà quản trị, chủ sở hữu công ty và chủ nợ lường trước những khó khăn và thuận lợi của công ty, để từ đó đưa ra quyết định đúng đối với công ty.

61. Tài chính công**3 TC**

Tài chính công là học phần thuộc khối kiến thức ngành thuộc ngành Kế toán trong chương trình đào tạo đại học. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Các vấn đề cơ bản về tài chính công như khái niệm tài chính công, đặc điểm, vai trò của tài chính công; thu nhập công, chi tiêu công; Hệ thống ngân sách nhà nước như khái niệm, hoạt động thu – chi ngân sách nhà nước, quản lý các hoạt động thu - chi, bội chi và các giải pháp hạn chế bội chi ngân sách nhà nước; Các quỹ tài chính công ngoài ngân sách nhà nước như quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ dự trữ quốc gia, ngân hàng phát triển... và nội dung của quản lý tài sản công.

62. Kiểm toán ngân sách nhà nước**3 TC**

Sau khi học xong học phần này, người học hiểu được tổng quan chung về kiểm toán ngân sách Nhà nước như các vấn đề xung quanh Ngân sách Nhà nước, Tổ chức quản lý Ngân sách Nhà nước, khái niệm và vai trò của Kiểm toán Ngân sách Nhà nước. Trên cơ sở đó, vận dụng được những kiến thức cơ bản về kiểm toán Ngân sách Nhà nước như mục đích, ý nghĩa, chức năng, yêu cầu và các công việc cơ bản trong hoạt động trước kiểm toán, hoạt động kiểm toán tại cơ sở và hoạt động sau kiểm toán của một cuộc kiểm toán Ngân sách Nhà nước.

63. Bảo hiểm**3 TC**

Bảo hiểm là học phần thuộc khối kiến thức ngành thuộc ngành Kế toán trong chương trình đào tạo đại học. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Sự cần thiết khách quan về bảo hiểm, khái niệm bảo hiểm, quá trình ra đời và phát triển của bảo hiểm, vai trò kinh tế xã hội của bảo hiểm và các loại bảo hiểm cơ bản trong nền kinh tế như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thương mại.

64. Tài chính quốc tế**3 TC**

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau:

- Khái niệm, vai trò, nội dung của tài chính quốc tế, tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán quốc tế, thị trường ngoại hối;
- Vận dụng để phân tích cơ hội đầu tư quốc tế; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán quốc tế trong hoạt động xuất nhập khẩu;
- Nhận biết các hình thức viện trợ, vay và nợ quốc tế.

65. Thực tập tốt nghiệp**6 TC**

Học phần này trang bị cho người học cái nhìn tổng quát nhất các vấn đề về kế toán, kiểm soát nội bộ và kiểm toán BCTC trong các doanh nghiệp, bao gồm:

- Đặc điểm tổ chức, ngành nghề và các hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị thực tập;
- Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của đơn vị;

- Tình hình tổ chức công tác kế toán hoặc hệ thống kiểm soát nội bộ tại đơn vị;
- Kế toán thực tế một số phần hành kế toán hoặc các quy trình kiểm soát nội bộ chủ yếu trong đơn vị thực tập;
- Quy trình kiểm toán các phần hành cụ thể tại đơn vị thực tập.

66. Khóa luận tốt nghiệp

6 TC

Khóa luận tốt nghiệp nghiên cứu một vấn đề chuyên môn thuộc một trong các lĩnh vực: Kế toán, kiểm toán, kiểm soát nội bộ, phân tích tài chính,...

67. Hệ thống chuẩn mực kế toán

3 TC

Học phần này trang bị cho người học cái nhìn tổng quát nhất các vấn đề về kế toán, kiểm soát nội bộ và kiểm toán BCTC trong các doanh nghiệp, bao gồm:

- Đặc điểm tổ chức, ngành nghề và các hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị thực tập;
- Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của đơn vị;
- Tình hình tổ chức công tác kế toán hoặc hệ thống kiểm soát nội bộ tại đơn vị;
- Kế toán thực tế một số phần hành kế toán hoặc các quy trình kiểm soát nội bộ chủ yếu trong đơn vị thực tập;
- Quy trình kiểm toán các phần hành cụ thể tại đơn vị thực tập.

68. Mô phỏng nghiệp vụ kế toán

3 TC

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về:

- Kế toán trong loại hình doanh nghiệp thương mại; Kế toán trong loại hình doanh nghiệp sản xuất; Kế toán trong loại hình doanh nghiệp xây lắp và kế toán trong các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ;
- Trong mỗi loại hình doanh nghiệp, sinh viên được hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ của các phần hành kế toán.

69. Hệ thống chuẩn mực kiểm toán

3 TC

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về:

- Nắm bắt được đặc điểm, ý nghĩa và quá trình hình thành và phát triển của chuẩn mực kiểm toán các giai đoạn
- Nắm bắt được các quy định về tổ chức ban hành nguyên tắc xây dựng quy trình xây dựng hệ thống chuẩn mực kiểm toán Quốc tế và Việt Nam.
- Giới thiệu một số chuẩn mực kiểm toán Việt Nam cơ bản giúp người học nhận định đúng và định hướng đúng trong quá trình thực hành nghề nghiệp kiểm toán.

70. Mô phỏng nghiệp vụ kiểm toán

3 TC

Mô phỏng nghiệp vụ kiểm toán là môn học chuyên ngành Kiểm toán, cung cấp cho người học kiến thức thực hành chuyên môn trên cơ sở vận dụng hệ thống kiến thức lý thuyết đã được học bao gồm các nội dung:

- Hệ thống hóa lại qui trình kiểm toán: lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán, kết thúc kiểm toán trong doanh nghiệp.

- Cung cấp cho người học kiến thức thực tế về qui trình kiểm toán các phần hành cơ bản trong doanh nghiệp: kiểm toán vốn bằng tiền, kiểm toán TSCĐ, kiểm toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

3.7. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

3.7.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

a. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường:

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	187	15511
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	3	917
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	2	366
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	131	11386
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	32	1597
1.5.	Số phòng học đa phương tiện	11	688
1.6.	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	8	557
2	Thư viện, trung tâm học liệu	2	832
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	43	3726

b. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành
Tại Hà Nội:

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính
1	Phòng thực hành máy Trung tâm Công nghệ thông tin	Bao gồm 21 phòng máy với 997 máy tính cấu hình cao được sử dụng để phục vụ công tác đào tạo

Tại phân hiệu Thanh Hóa:

TT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính
1	Phòng máy và phòng ngữ âm	Bao gồm 05 phòng máy với hơn 200 máy tính cấu hình cao được sử dụng để phục vụ công tác đào tạo và học ngoại ngữ

c. Thông tin Thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng (đầu sách)
1	Khối ngành III	3795
2	Khối ngành IV	3645
3	Khối ngành V	6874
4	Khối ngành VII	6403

d. Danh mục giáo trình phục vụ đào tạo ngành Kế toán

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
1	Triết học Mác - Lênin	1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình triết học Mác-Lênin</i> (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia sự thật.
2	Kinh tế - chính trị	1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin</i> , (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia sự thật.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia sự thật.
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i> (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia sự thật.
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i> (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), NXB Chính trị quốc gia sự thật.
6	Tiếng Anh 1	Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005). <i>New Cutting Edge, Elementary</i> . Harlow: Pearson Longman.
7	Tiếng Anh 2	Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005). <i>New Cutting Edge – Pre-Intermediate</i> . Harlow: Pearson Longman.
8	Tiếng Anh 3	Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005). <i>New Cutting Edge – Pre-Intermediate</i> . Harlow: Pearson Longman
9	Pháp luật đại cương	1. Lê Minh Toàn (chủ biên) (2015), <i>Pháp luật đại cương</i> , NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội. 2. Bộ Giáo dục và đào tạo (2014), Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (<i>Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo</i>) 3. Nguyễn Minh Đoan (2016), <i>Lý luận Nhà nước và Pháp luật</i> ; NXB. Công An Nhân Dân, Hà Nội
10	Tin học đại cương	1. Phạm Thị Anh Lê (2014), <i>Giáo trình Tin học đại cương (tập 1,2,3)</i> , Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		<p>2. Phạm Quang Huy (2019), <i>Tin học văn phòng Microsoft Office dành cho người bắt đầu</i>, Nhà xuất bản Thanh niên.</p> <p>3.1. Phạm Phương Hoa (2019), <i>Giáo trình thực hành Excel</i>, Nhà xuất bản Thanh niên.</p>
11	Kinh tế vi mô	<p>1. Đỗ Thị Đình, Tống Thị Thu Hòa, Nguyễn Gia Thọ, Phạm Thị Ngoan, Đào Thị Thương (2018), <i>Giáo trình Kinh tế vi mô</i>, Nhà xuất bản xây dựng.</p> <p>2. Đỗ Thị Đình, Nguyễn Gia Thọ, Tống Thị Thu Hòa, Cao Thị Bích Ngọc, Vũ Quang Hải (2020), <i>Hướng dẫn thực hành kinh tế vi mô</i>, NXB Lao động – Xã hội.</p>
12	Kinh tế vĩ mô	<p>1. Đỗ Thị Đình, Tống Thị Thu Hòa, Cao Thị Bích Ngọc, Vũ Quang Hải (2021), <i>GT Kinh tế vĩ mô</i>, NXB Lao động – Xã hội.</p> <p>2. Đỗ Thị Đình, Tống Thị Thu Hòa, Cao Thị Bích Ngọc, Vũ Quang Hải (2021), <i>Hướng dẫn Thực hành Kinh tế vĩ mô</i>, NXB Lao động – Xã hội</p>
13	Toán kinh tế	<p>1. Phùng Duy Quang (chủ biên)-Nguyễn Dương Nguyễn, 2012, <i>Toán cao cấp ứng dụng trong phân tích kinh tế</i>, Nhà xuất bản Sư phạm.</p> <p>2. Hoffmann, Bradley, Sobecki, Price, 2020, <i>Giải tích cho kinh doanh, kinh tế học, khoa học sự sống và xã hội</i>, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.</p>
14	Kinh tế số	<p>1. TS Đặng Thị Việt Đức (2020), <i>GT Kinh tế số thực trạng và hướng phát triển tại Việt Nam</i>, Nhà xuất bản giáo dục Việt Na. Hoffmann, Bradley</p>
15	Khởi sự kinh doanh	<p>1. Nguyễn Ngọc Huyền (2012), <i>Giáo trình Khởi sự kinh doanh</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p>2. Lưu Đan Thọ (2016), <i>Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh</i>, NXB Tài chính.</p>
16	Nguyên lý kế toán	<p>1. Nguyễn Hoàn, Phạm Xuân Kiên (2018), <i>Giáo trình Nguyên lý kế toán</i>, NXB Lao động xã hội</p> <p>2. Bộ Tài chính (2015), <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam</i>, NXB Tài chính</p> <p>3. Phan Đức Dũng (2014), <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực</i>, NXB Thống kê</p>
17	Quản trị học	<p>1. Nguyễn Hoàn (2019), <i>Giáo trình Quản trị học</i>, NXB Khoa học và kỹ thuật.</p> <p>2. Nguyễn Thị Liên Diệp (2012), <i>Quản trị học</i>, NXB Văn hóa - Nghệ thuật.</p>
18	Quản trị kinh doanh	<p>1. Nguyễn Hoàn (2013), <i>Giáo trình Marketing căn bản</i>, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.</p> <p>2. Nguyễn Ngọc Huyền (2016), <i>Giáo trình quản trị kinh doanh, Tập 1</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân.</p> <p>3. Nguyễn Ngọc Huyền (2013), <i>Giáo trình quản trị kinh doanh, Tập 2</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân.</p>
19	Hợp đồng	<p>1. Ngô Huy Cương (2013), <i>Giáo trình luật hợp đồng – Phần chung</i>,</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
	kinh tế trong kinh doanh	NXB ĐH Quốc Gia. 2. Lương Văn Úc (2012), <i>Giáo trình Kỹ thuật soạn thảo văn bản kinh tế và quản trị doanh nghiệp</i> , NXB Kinh tế quốc dân. 3. Lương Đức Cường (2013), <i>Các mẫu hợp đồng thông dụng mới nhất dùng trong doanh nghiệp</i> , NXB Kinh tế quốc dân.
20	Tài chính Tiền tệ	1. Đinh Xuân Hạng, Phạm Ngọc Dũng (2011), <i>Giáo trình Tài chính – Tiền tệ</i> , NXB Tài chính. 2. Cao Thị Ý Nhi, Đặng Anh Tuấn (2018), <i>Giáo trình Lý thuyết Tài chính tiền tệ</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân 3. Lê Thị Mận (2014), <i>Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ</i> , NXB Lao động Xã hội.
21	Thống kê doanh nghiệp	1. Phạm Ngọc Kiểm, Nguyễn Công Nhự, Bùi Đức Triệu (2009), <i>Giáo trình Thống kê doanh nghiệp</i> , NXB Thống kê; 2. Bùi Đức Triệu (2010), <i>Thống kê kinh tế</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân;
22	Kế toán tài chính 1	1. Nguyễn Hoàn (2018), <i>Giáo trình Kế toán tài chính</i> , NXB Tài chính; 2. Nguyễn Hoàn (2021), <i>Bài tập thực hành kế toán tài chính 1</i> , NXB Lao động – Xã hội 3. Trương Thị Thủy, Ngô Thị Thu Hồng (2020), <i>Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp</i> , NXB Tài chính;
23	Kế toán tài chính 2	1. Nguyễn Hoàn (2018), <i>Giáo trình Kế toán tài chính</i> , NXB Tài chính 2. Phan Đức Dũng (2014), <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực</i> , NXB Thống kê. 3. Bộ Tài chính (2015), <i>Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 1,2</i> , NXB Tài chính.
24	Kế toán quản trị 1	1. Nguyễn Hoàn, Hoàng Đình Hương (2018), <i>Kế toán quản trị</i> , NXB Xây dựng; 2. Nguyễn Ngọc Quang (2014), <i>Kế toán quản trị</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân; 3. Phạm Văn Dược (2011), <i>Kế toán quản trị</i> , NXB Lao động.
25	Thuế và kế toán thuế	1. Phạm Đức Cường (2016), <i>Thuế và Kế toán thuế Việt Nam: Lý thuyết và thực hành</i> , NXB Tài Chính. 2. Bộ Tài chính (2015), <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam</i> , NXB Tài chính. 3. TS. Nguyễn Hoàn (chủ biên) (2018), <i>Giáo trình Kế toán tài chính</i> , NXB Tài chính.
26	Lý thuyết kiểm toán	TS. Nguyễn Hoàn (chủ biên), TS. Hoàng Đình Hương - TS. Ngô Thị Kiều Trang – TS. Vũ Thúy Hà – TS. Nguyễn Thị Mai Anh – NCS.Ths Phạm Duy Hùng – Ths. Nguyễn Quỳnh Châm (2021), <i>Giáo trình Lý Thuyết Kiểm toán do</i> , NXB VĂN HÓA DÂN TỘC.
27	Kế toán máy	1. Đoàn Xuân Tiên, Nguyễn Vũ Việt (2014), <i>Giáo trình kế toán máy</i> , NXB Tài chính;

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		2. Nguyễn Hoàn (2018), <i>Giáo trình Kế toán tài chính</i> , NXB Tài chính 3. Phan Đức Dũng (2014), <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực</i> , NXB Thống kê.
28	Tiếng Anh chuyên ngành	1. Mahoney, S., & Frenco, E. (2007). <i>English for Accounting</i> . Oxford University Press; 2. MacKenzie, I. (2006). <i>Professional English in Use Finance</i> . Cambridge University Press; 3. Cao Xuân Thiều (2008), <i>Tiếng Anh chuyên ngành: English for Finance</i> , NXB Tài chính.
29	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	1. TS Bùi Thị Thu (2018), <i>Giáo trình kỹ năng mềm</i> , NXB Xây dựng; 2. Dương Thị Liễu (2013), <i>Kỹ năng thuyết trình</i> , NXB Kinh tế quốc dân; 3. Lại Thế Luyện (2014), <i>Kỹ năng tìm việc làm</i> , NXB Thời đại.
30	Tham quan nhận thức 1	1. Quốc hội (2005), <i>Luật thương mại số 36/2005/QH11</i> ; https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Luat-Thuong-mai-2005-36-2005-QH11-2633.aspx 2. Quốc hội (2020), <i>Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14</i> . https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-Doanh-nghiep-so-59-2020-QH14-427301.aspx
31	Tham quan nhận thức 2	1. Quốc hội (2020), <i>Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14</i> . https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-Doanh-nghiep-so-59-2020-QH14-427301.aspx
32	Thực tập nghề nghiệp 1	1. Nguyễn Hoàn, Phạm Xuân Kiên (2018), <i>Giáo trình Nguyên lý kế toán</i> , NXB Lao động xã hội. 2. Lưu Đức Tuyên (2011), <i>Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp</i> , NXB Tài chính.
33	Thực tập nghề nghiệp 2	1. Nguyễn Hoàn (2018), <i>Giáo trình Kế toán tài chính</i> , NXB Tài chính 2. Lưu Đức Tuyên (2011), <i>Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp</i> , NXB Tài chính.
34	Thực tập nghề nghiệp 3	1. Nguyễn Hoàn (2018), <i>Giáo trình Kế toán tài chính</i> , NXB Tài chính 2. Nguyễn Quang Quỳnh (2014), <i>Kiểm toán tài chính</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân. 3. Trần Thị Giang Tân (2012), <i>Kiểm soát nội bộ</i> , NXB Phương Đông
35	Kế toán quản trị 2	1. Nguyễn Hoàn, Hoàng Đình Hương (2018), <i>Kế toán quản trị</i> , NXB Xây dựng; 2. Nguyễn Ngọc Quang (2014), <i>Kế toán quản trị</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân; 3. Phạm Văn Dược (2011), <i>Kế toán quản trị</i> , NXB Lao động.
36	Đạo đức nghề nghiệp	1. Nguyễn Hoàn (2021), <i>Lý thuyết kiểm toán</i> , NXB Văn hóa dân tộc. 2. Nguyễn Mạnh Quân (2015), <i>Đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân. 3. Trần Thị Giang Tân (2009), <i>Đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên</i>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		<i>độc lập</i> , NXB Tài chính.
37	Kiểm toán tài chính	1. Nguyễn Việt Lợi, Đậu Ngọc Châu (2013), <i>Lý thuyết kiểm toán</i> , NXB Tài chính. 2. Nguyễn Quang Quỳnh (2014), <i>Kiểm toán tài chính</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân. 3. Leonard J (2012), <i>Business & Professional Ethics for Directors, Execcutives & Accountants</i> , South-Western.
38	Kế toán hành chính sự nghiệp	1. Bộ Tài chính (2017), <i>Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp</i> , NXB Thông tin và Truyền thông; 2. Nguyễn Hoàn, Phạm Xuân Kiên, (2018), <i>Giáo trình Nguyên lý kế toán</i> , NXB Lao động xã hội; 3. Võ Văn Nhị, Phạm Ngọc Toàn, Lê Quang Mẫn, Nguyễn Thị Huyền Trâm, Hồ Xuân Hữu (2018), <i>Hướng dẫn thực hành kế toán hành chính sự nghiệp</i> , NXB Tài chính.
39	Phân tích Báo cáo tài chính	1. Nguyễn Ngọc Quang (2016), <i>Phân tích Báo cáo tài chính</i> , NXB Tài chính; 2. Phan Đức Dũng (2014), <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực</i> , NXB Thống kê; 3. Nguyễn Hoàn (2018), <i>Giáo trình Kế toán tài chính</i> , NXB Tài chính;
40	Kế toán công ty	1. Nguyễn Thị Đông, (2006), <i>Kế toán công ty</i> , NXB Đại Học Kinh Tế Quốc Dân; 2. Bộ Tài Chính (2014), <i>Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 1</i> , NXB Tài Chính; 3. Bộ Tài Chính (2015), <i>Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2</i> , NXB Tài Chính.
41	Nguyên lý thẩm định giá	1. Nguyễn Minh Hoàng, Phạm Văn Bình (2018), <i>Giáo trình định giá tài sản</i> , NXB Tài chính. 2. Hay Sinh (2012), <i>Nguyên lý thẩm định giá</i> , NXB tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
42	Thương mại điện tử	1. PGS. TS Nguyễn Việt Khôi (2020), <i>Thương mại điện tử</i> , NXB Đại học quốc gia Hà Nội.. 2. Trần Văn Hòe (2015), <i>Thương mại điện tử căn bản</i> , Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân..
43	Kế toán chi phí	1. Phạm Văn Dược, Trần Văn Tùng, Phạm Ngọc Toàn (2010), <i>Kế toán chi phí</i> , NXB Tài chính; 2. Phạm Văn Dược (2010), <i>Kế toán quản trị - Phần I: Kế toán chi phí (Lý thuyết, bài tập, bài giải)</i> , NXB ĐH Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh; 3. Đoàn Ngọc Quế, Phạm Văn Dược, TS Huỳnh Lợi (2015), <i>Kế toán chi phí</i> , NXB kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
44	Kế toán ngân hàng	1. Nguyễn Văn Lộc, Hà Minh Sơn (2019), <i>Giáo trình Kế toán ngân hàng Thương mại</i> , NXB Tài Chính; 2. Nguyễn Phú Giang, Nguyễn Trúc Lê, Đoàn Ngọc Phi Anh, Đặng

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		Ngọc Hùng (2014), <i>Kế toán ngân hàng</i> , Nhà xuất bản Đại Học Kinh Tế Quốc Dân; 3. Nguyễn Thị Loan, Lâm Thị Hồng Hoa (2009), <i>Kế toán ngân hàng</i> , Nhà xuất bản Thống kê.
45	Kế toán doanh nghiệp thương mại và dịch vụ	1. Vũ Thị Kim Anh, Nguyễn Thị Thanh Phương, Hà Thị Thúy Vân (2020), <i>Kế toán tài chính doanh nghiệp thương mại dịch vụ</i> , NXB Tài chính; 2. Hà Thị Thúy Vân, Vũ Kim Anh, Đàm Bích Hà (2017), <i>Kế toán trong doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ</i> , NXB Tài chính; 3. Nguyễn Hoàn, Phạm Xuân Kiên (2018), <i>Nguyên lý kế toán</i> , NXB Lao động, Xã hội.
46	Kế toán quốc tế	1. TS. Nguyễn Phú Giang (2009), <i>Kế toán quốc tế</i> , NXB Tài chính; 2. Phan Đức Dũng (2014), <i>Bài tập và bài giải Kế toán Mỹ</i> , NXB Lao động xã hội; 3. Phan Đức Dũng (2014), <i>Kế toán Mỹ</i> , NXB Lao động xã hội;
47	Hệ thống thông tin kế toán	1. Nguyễn Hoàn, Phạm Xuân Kiên (2019), <i>Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán</i> , NXB Lao động – Xã hội; 2. Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh (2015), <i>Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán tập 1, tập 2, tập 3</i> , NXB Phương Đông; 3. Thiều Thị Tâm, Nguyễn Việt Hưng, Phạm Quang Huy, Phan Đức Dũng (2008), <i>Hệ thống thông tin kế toán</i> , NXB Thống kê.
48	Quản trị dự án đầu tư	1. Từ Quang Phương (2014), <i>Quản lý dự án</i> , Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân. 2. Nguyễn Bạch Nguyệt (2013), <i>Lập dự án đầu tư</i> , Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân
49	Ngân hàng thương mại	1. Nguyễn Đăng Dờn (2014), <i>Nghiệp vụ ngân hàng thương mại</i> , NXB Kinh tế TP.HCM 2. Nguyễn Đăng Dờn (2012), <i>Quản trị ngân hàng thương mại hiện đại</i> , NXB. Phương Đông 3. GS.TS Nguyễn Văn Tiến (2013), <i>Giáo trình nguyên lý và nghiệp vụ ngân hàng thương mại</i> , NXB Thống kê.
50	Thị trường chứng khoán	1. Hoàng Văn Quỳnh, Nguyễn Thị Hoài Lê (2015), <i>Giáo trình Thị trường tài chính</i> , NXB Tài chính. 2. Nguyễn Thị Minh Huệ, Lê Thị Hương Lan (2019), <i>Giáo trình Thị trường chứng khoán</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân. 3. Nguyễn Thị Minh Huệ, Trần Đăng Khâm (2019), <i>Giáo trình Phân tích và đầu tư chứng khoán</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân.
51	Đại cương về kế toán tập đoàn	1. Ngô Thế Chi, Trương Thị Thủy (2013), <i>Giáo trình Kế toán tài chính</i> , NXB Tài chính. 2. Nguyễn Phú Giang (2006), <i>Bài tập và bài giải kế toán hợp nhất kinh doanh và hợp nhất báo cáo tài chính</i> , NXB Tài chính. 3. Bộ Tài chính (2013), <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam</i> , NXB Lao

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		động.
52	Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phạm Đức Cường (2020), <i>Tổ chức kế toán trong các đơn vị kinh tế</i>, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, NXB Tài chính; 2. Lưu Đức Tuyên, Ngô Thị Thu Hồng (2011), <i>Giáo trình tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp</i>, NXB Tài chính; 3. Nguyễn Hoàn (2018), <i>Giáo trình Kế toán tài chính</i>, NXB Tài chính.
53	Thanh toán quốc tế	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Văn Tiến (2014), <i>Cẩm nang thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương</i>, NXB Thống kê 2. Trần Văn Hòe (2011), <i>Giáo trình tín dụng và thanh toán thương mại quốc tế</i>, NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân 3. Tạ Văn Lợi (2019), <i>Giáo trình Nghiệp vụ ngoại thương</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân.
54	Kiểm toán hoạt động	<ol style="list-style-type: none"> 1. GS.TS Nguyễn Quang Quỳnh (2014), <i>Giáo trình kiểm toán hoạt động</i>, NXB Trường Đại học Kinh tế Quốc dân 2. Khoa kế toán, kiểm toán, đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (2010), <i>kiểm toán hoạt động</i>, NXB Phương Đông. 3. TS Nguyễn Việt Lợi, ThS Đậu Ngọc Châu (2013), <i>Giáo trình lý thuyết kiểm toán</i>, NXB Tài chính.
55	Kiểm toán môi trường	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Hoàn (2014), <i>Kiểm toán môi trường</i>, NXB Lao động - xã hội. 2. Nguyễn Việt Lợi, Đậu Ngọc Châu (2013), <i>Lý thuyết kiểm toán</i>, NXB Tài chính. 3. Quý Lâm, Kim Phương (2014), <i>Hệ thống tiêu chuẩn quy chuẩn về môi trường</i>, NXB Lao động - xã hội.
56	Kiểm toán nội bộ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Phú Giang, Nguyễn Trúc Lê (2015), <i>Kiểm toán nội bộ</i>, NXB Tài chính. 2. Phan Trung Kiên (2015), <i>Kiểm toán nội bộ</i>, NXB Tài chính.
57	Kiểm soát nội bộ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Việt Lợi, Đậu Ngọc Châu (2013), <i>Lý thuyết kiểm toán</i>, NXB Tài chính. 2. Nguyễn Quang Quỳnh (2014), <i>Kiểm toán tài chính</i>, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân. 3. Leonard J (2012), <i>Business & Professional Ethics for Directors, Execcutives & Accountants</i>, South-Western.
58	Quản trị tài chính doanh nghiệp	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Hoàn (2013), <i>Giáo trình Tài chính doanh nghiệp</i>, NXB Lao động. 2. Vũ Văn Ninh, Bùi Văn Vân (2015), <i>Giáo trình Tài chính doanh nghiệp</i>, NXB Tài chính.
59	Phân tích tài chính doanh nghiệp	<ol style="list-style-type: none"> 1. Ngô Thế Chi, Nguyễn Trọng Cơ (2008), <i>Giáo trình Phân tích Tài chính doanh nghiệp</i>, NXB Tài chính.
60	Phân tích	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Văn Công (2013), <i>Giáo trình phân tích kinh doanh</i>, NXB đại

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
	kinh doanh	<p>học kinh tế quốc dân;</p> <p>2. Nguyễn Ngọc Quang (2016), <i>Giáo trình phân tích Báo Cáo Tài Chính</i>, NXB Tài Chính;</p> <p>3. Nguyễn Hoàn (2018), <i>Giáo trình Kế toán tài chính</i>, NXB Tài chính.</p>
61	Tài chính công	<p>1. Nguyễn Văn Hiệu, Trần Thị Vân Anh (2020), <i>Giáo trình Tài chính công</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.</p> <p>2. PGS.TS Hoàng Thị Thúy Nguyệt (2016), <i>Lý thuyết quản lý tài chính công</i>, NXB.Tài chính</p> <p>3. Bùi Tiến Hanh (2016), <i>Giáo trình quản lý tài chính công</i>, NXB Tài chính</p>
62	Kiểm toán ngân sách nhà nước	<p>1. Nguyễn Quang Quỳnh (2014), <i>Kiểm toán tài chính</i>, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.</p> <p>2. Phạm Văn Liên, Đặng Văn Du (2015), <i>Giáo trình nghiệp vụ thu Ngân sách Nhà Nước</i>, NXB Tài chính.</p>
63	Bảo hiểm	<p>1. Nguyễn Văn Định (2012), <i>Giáo trình Bảo hiểm</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân.</p> <p>2. Đặng Văn Dân (2018), <i>Giáo trình Bảo hiểm</i>, NXB Tài chính.</p> <p>3. Võ Thị Pha (2010), <i>Giáo trình Lý thuyết bảo hiểm</i>, NXB Tài chính.</p>
64	Tài chính quốc tế	<p>1. Phan Duy Minh, Đinh Trọng Thịnh (2012), <i>Giáo trình Tài chính quốc tế</i>, NXB Tài Chính.</p> <p>2. Nguyễn Văn Tiến (2012), <i>Giáo trình Tài chính quốc tế</i>, NXB Hồng Đức.</p>
65	Thực tập tốt nghiệp	<p>1. Lưu Đức Tuyên (2011), <i>Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp</i>, NXB Tài chính.</p> <p>2. Nguyễn Hoàn (2018), <i>Giáo trình Kế toán tài chính</i>, NXB Tài chính</p> <p>3. Nguyễn Ngọc Quang (2016), <i>Phân tích Báo cáo tài chính</i>, NXB Tài chính;</p> <p>4. Nguyễn Quang Quỳnh, Ngô Trí Tuệ (2014), <i>Giáo trình kiểm toán tài chính</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân.</p>
66	Hệ thống chuẩn mực kế toán	<p>1. Bộ Tài chính (2015), <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam</i>, NXB Tài chính;</p> <p>2. Bộ Tài chính (2014), <i>Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 1</i>, NXB Tài chính;</p> <p>3. Ngô Thế Chi, Trương Thị Thủy (2010), <i>Hệ thống chuẩn mực kế toán quốc tế</i>, NXB Tài chính</p>
67	Mô phỏng nghiệp vụ kế toán	<p>1. Nguyễn Hoàn (2018), <i>Giáo trình Kế toán tài chính</i>, NXB Tài chính.</p> <p>2. Bộ Tài chính (2015), <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam</i>, NXB Tài chính.</p> <p>3. Bộ Tài chính (2015), <i>Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 1,2</i>, NXB Tài chính.</p>
68	Hệ thống chuẩn mực	<p>1. Bộ Tài chính (2013), <i>37 chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam</i>, NXB Lao động.</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
	kiểm toán	2. Nguyễn Quang Quỳnh (2014), <i>Kiểm toán tài chính</i> , NXB ĐH Kinh tế quốc dân 3. Nguyễn Viết Lợi, Đậu Ngọc Châu (2013), <i>Lý thuyết kiểm toán</i> , NXB Tài chính.
69	Mô phỏng nghiệp vụ kiểm toán	1. Lưu Đức Tuyên, Đậu Ngọc Châu (2010), <i>Kiểm toán báo cáo tài chính</i> , NXB Tài chính. 2. Nguyễn Quang Quỳnh (2014), <i>Kiểm toán tài chính</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân. 3. Thịnh Văn Vinh, Giang Thị Xuyên (2012), <i>Tổ chức quá trình kiểm toán báo cáo tài chính</i> , NXB Tài chính.

3.7.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
1	Đặng Phương Anh	Thạc sĩ	CN Kế toán	Khoa Kinh tế TN&MT, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
2	Đào Lan Anh	Thạc sĩ	ThS Thương mại	Khoa Kinh tế TN&MT, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
3	Lưu Đức Anh	Đại học	Tài chính - Ngân hàng - Tiếng anh	Bộ môn Ngoại ngữ, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
4	Nguyễn Vũ Phi Công	Thạc sĩ	ThS Quản lý kinh tế	Khoa Kinh tế TN&MT, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
5	Mai Ngọc Diệu	Thạc sĩ	Thạc sĩ Toán	Khoa Khoa học đại cương, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
6	Đỗ Thị Dinh	Tiến sĩ	Kinh tế phát triển	Khoa Kinh tế TN&MT, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
7	Vũ Văn Dũng	Thạc sĩ	ThS Kinh tế	Khoa Kinh tế TN&MT, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
8	Lê Thanh Hải	Thạc sĩ	ThS Kinh tế	ĐH Tài nguyên và môi trường HN
9	Lê Thị Như Hằng	Thạc sĩ	Ths QTKD	ĐH Tài nguyên và môi trường HN
10	Lê Thị Hạnh	Thạc sĩ	ThS. Kinh tế nông nghiệp	ĐH Tài nguyên và môi trường HN
11	Nguyễn Tài Hoa	Thạc sĩ	Thạc sĩ Toán	Khoa Khoa học đại cương, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
12	Lê Hoàng	Thạc sĩ	ThS Kinh tế quốc tế	Khoa Kinh tế TN&MT, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
13	Lê Xuân Hùng	Tiến sĩ	Tiến sĩ Toán	Khoa Khoa học đại cương, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
14	Lê Thị Hương	Thạc sĩ	Thạc sĩ Toán	Khoa Khoa học đại cương, ĐH

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
				Tài nguyên và môi trường HN
15	Phạm Thị Hương	Thạc sĩ	ThS Kinh tế	Khoa Kinh tế TN&MT, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
16	Trương Thị Hường	Thạc sĩ	Thạc sĩ Toán	Khoa Khoa học đại cương, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
17	Đoàn Thị Thanh Huyền	Thạc sĩ	ThS Toán học	Khoa Khoa học đại cương, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
18	Nguyễn Thị Huyền	Thạc sĩ	ThS Toán học	Khoa Khoa học đại cương, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
19	Nguyễn Ngọc Linh	Thạc sĩ	Thạc sĩ Toán	Khoa Khoa học đại cương, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
20	Phan Thị Minh Lý	PGS, Tiến sĩ	TS kinh tế (khoa học quản lý)	Khoa Kinh tế TN&MT, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
21	Hà Quỳnh Mai	Thạc sĩ	ThS Quản trị kinh doanh	Khoa Kinh tế TN&MT, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
22	Nguyễn Thị Thanh Mai	Thạc sĩ	Thạc sĩ QTKD	Khoa Kinh tế TN&MT, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
23	Nguyễn Văn Minh	Thạc sĩ	Thạc sĩ Toán học	Khoa Khoa học đại cương, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
24	Nguyễn Danh Nam	Tiến sĩ	Kinh tế	Khoa Kinh tế TN&MT, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
25	Lê Thị Minh Nga	Thạc sĩ	ThS Toán	Khoa Khoa học đại cương, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
26	Lê Thị Thu Nga	Thạc sĩ	ThS Kinh doanh quốc tế	Khoa Kinh tế TN&MT, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
27	Roãn Thị Ngân	Thạc sĩ	ThS Toán học	Khoa Khoa học đại cương, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
28	Đặng Thị Ngoan	Thạc sĩ	ThS Toán học	Khoa Khoa học đại cương, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
29	Đoàn Thị Hồng Nguyên	Thạc sĩ	ThS Toán	Khoa Khoa học đại cương, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
30	Bùi Phương Nhung	Thạc sĩ	ThS Kinh tế	Khoa Kinh tế TN&MT, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
31	Nguyễn Thị Nhung	Thạc sĩ	ThS Đại số và Lý thuyết số	Khoa Khoa học đại cương, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
32	Ông Thị Nhung	Thạc sĩ	ThS Kinh doanh và quản lý	Khoa Kinh tế TN&MT, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
33	Bùi Thị Oanh	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu	Bộ môn Ngoại ngữ, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
34	Phạm Minh Phương	Thạc sĩ	ThS Tài chính	ĐH Tài nguyên và môi trường

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
			ngân hàng	HN
35	Phạm Thị Phương	Thạc sĩ	ThS Quản trị kinh doanh	Khoa Kinh tế TN&MT, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
36	Nguyễn Đăng Thiên	Thạc sĩ	ThS Toán	Khoa Khoa học đại cương, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
37	Nguyễn Thị Huyền Thư	Thạc sĩ	Thạc sĩ Toán học	Khoa Khoa học đại cương, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
38	Nguyễn Sỹ Tĩnh	Thạc sĩ	ThS Kinh tế quốc tế	Khoa Kinh tế TN&MT, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
39	Ngô Thị Kiều Trang	Tiến sĩ	TS Kế toán	Khoa Kinh tế TN&MT, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
40	Nguyễn Thị Trang	Thạc sĩ	ThS Toán học	Khoa Khoa học đại cương, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
41	Trần Thị Thu Trang	Thạc sĩ	ThS Quản lý TN&MT	Khoa Kinh tế TN&MT, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
42	Ngô Tuyết Trinh	Thạc sĩ	Kế toán	Khoa Kinh tế TN&MT, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
43	Trần Đình Trình	Thạc sĩ	ThS Kinh tế nông nghiệp	Khoa Kinh tế TN&MT, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
44	Đàm Thanh Tuấn	Thạc sĩ	ThS Toán	Khoa Khoa học đại cương, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
45	Mai Ngọc Uyên	Thạc sĩ	Th.sỹ KH GDục	Khoa Lý luận chính trị, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
46	Nguyễn Thị Xuân	Thạc sĩ	ThS Kinh doanh và quản lý	ĐH Tài nguyên và môi trường HN
47	Lê Hải Yên	Đại học	Cử nhân Kinh tế	Khoa Kinh tế TN&MT, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
48	Phùng Thị Kim Yên	Thạc sĩ	ThS Toán	Khoa Khoa học đại cương, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
49	Đoàn Thị Thanh Hải	Thạc sĩ	ThS Kế toán	Phòng Kế hoạch tài chính, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
50	Phạm Thị Hợp	Thạc sĩ	ThS Kế toán	Phòng Kế hoạch tài chính, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
51	Nguyễn Tiến Dũng	Đại học	Cử nhân Toán	Khoa Khoa học đại cương, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
52	Trần Thị Duyên	Thạc sĩ	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Phòng Tổ chức hành chính, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
53	Phạm Văn Hoàng	Thạc sĩ	ThS Kinh doanh và quản lý	Khoa Kinh tế TN&MT, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
54	Nguyễn Văn Hương	Thạc sĩ	Thạc sĩ Quản lý giáo dục	Phòng Công tác sinh viên, ĐH Tài nguyên và môi trường HN

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
55	Hoàng Thị Mai	Thạc sĩ	CN Kế toán	Khoa Kinh tế TN&MT, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
56	Nguyễn Hà My	Thạc sĩ	ThS Tài chính ngân hàng	Khoa Kinh tế TN&MT, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
57	Đỗ Thị Ngân	Thạc sĩ	ThS Kinh tế chính trị	Khoa Lý luận chính trị, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
58	Nguyễn Mai Phương	Thạc sĩ	ThS Kinh tế	Khoa Kinh tế TN&MT, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
59	Nguyễn Thanh Sơn	Thạc sĩ	ThS Quản lý giáo dục	Bộ môn GDTC và QP, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
60	Phạm Đình Tâm	Thạc sĩ	ThS Quản lý giáo dục	Bộ môn GDTC và QP, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
61	Trần Huyền Thu	Thạc sĩ	ThS Kế toán	Phòng Kế hoạch tài chính, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
62	Đỗ Minh Anh	Thạc sĩ	Thạc sĩ triết học	Khoa Lý luận chính trị, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
63	Nguyễn Văn Căn	Thạc sĩ	ThS Giáo dục học	Bộ môn GDTC và QP, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
64	Nguyễn Thị Chiên	Thạc sĩ	Thạc sĩ lý luận ngôn ngữ	Khoa Công nghệ thông tin, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
65	Đặng Trần Chiến	Tiến sĩ	Tiến sĩ Khoa học vật liệu	Khoa Khoa học đại cương, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
66	Nguyễn Phú Cường	Thạc sĩ	ThS Lý luận PP giảng dạy TA	Bộ môn Ngoại ngữ, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
67	Lê Thị Thùy Dung	Tiến sĩ	TS Triết học	Khoa Lý luận chính trị, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
68	Vũ Thị Mạc Dung	Tiến sĩ	TS Lịch sử Đảng Cộng sản VN	Khoa Lý luận chính trị, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
69	Ngô Quang Duy	Thạc sĩ	ThS Triết học	Khoa Lý luận chính trị, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
70	Hoàng Trường Giang	Đại học	CN Ngoại ngữ	Bộ môn Ngoại ngữ, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
71	Nguyễn Việt Hà	Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	Bộ môn GDTC và QP, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
72	Mai Thị Thu Hằng	Thạc sĩ	ThS Triết học	Khoa Lý luận chính trị, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
73	Phùng Thị Bích Hằng	Thạc sĩ	Thạc sĩ Sử học	Khoa Lý luận chính trị, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
74	Đào Thị Hiền	Thạc sĩ	ThS QLGD	ĐH Tài nguyên và môi trường HN

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
75	Nguyễn Thị Hoa	Thạc sĩ	Ngôn Ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
76	Vũ Thị Hòa	Thạc sĩ	ThS Hồ Chí Minh học	Khoa Lý luận chính trị, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
77	Trần Duy Hoàng	Thạc sĩ	Giáo dục học	ĐH Tài nguyên và môi trường HN
78	Trịnh Thị Việt Hương	Thạc sĩ	ThS Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
79	Nguyễn Thị Lan	Đại học	Cử nhân Chính trị	Khoa Lý luận chính trị, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
80	Nguyễn Đình Tuấn Lê	Thạc sĩ	ThS Hồ Chí Minh học	Khoa Lý luận chính trị, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
81	Nguyễn Thị Liên	Tiến sĩ	ThS Lịch sử	Khoa Lý luận chính trị, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
82	Phạm Thị Liên	Đại học	Cử nhân Văn	ĐH Tài nguyên và môi trường HN
83	Nguyễn Thùy Linh	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
84	Trần Thị Thùy Linh	Thạc sĩ	Cử nhân Tiếng Anh	Bộ môn Ngoại ngữ, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
85	Tiến Thị Mai	Thạc sĩ	ThS Giáo dục và phát triển cộng đồng	Bộ môn GDTC và QP, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
86	Phạm Thế Mạnh	Thạc sĩ	ThS GDTC-GDQP	Bộ môn GDTC và QP, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
87	Hoàng Thị Ngọc Minh	Thạc sĩ	ThS Hồ Chí Minh học	Khoa Lý luận chính trị, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
88	Lê Đình Nam	Thạc sĩ	ThS GDTC-GDQP	Bộ môn GDTC và QP, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
89	Khuất Thị Nga	Thạc sĩ	Thạc sĩ Triết học	Khoa Lý luận chính trị, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
90	Mai Thị Ngân	Thạc sĩ	ThS Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
91	Nguyễn Sỹ Nghị	Thạc sĩ	ThS Khoa học giáo dục	Bộ môn GDTC và QP, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
92	Nguyễn Thị Nguyệt	Thạc sĩ	ThS Lịch sử	Khoa Lý luận chính trị, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
93	Phạm Thị Nhâm	Thạc sĩ	Th.sỹ Nhân văn: LS Việt Nam	ĐH Tài nguyên và môi trường HN
94	Vũ Thị Nhàn	Thạc sĩ	Khoa học giáo dục	Bộ môn GDTC và QP, ĐH Tài nguyên và môi trường HN

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
95	Trịnh Hồng Phong	Đại học	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
96	Trương Thị Hoa Phượng	Đại học	Cử nhân Lưu trữ	ĐH Tài nguyên và môi trường HN
97	Nguyễn Thị Quý	Thạc sĩ	ThS Lịch sử	Khoa Lý luận chính trị, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
98	Mai Thị Thanh	Thạc sĩ	ThS Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
99	Phạm Văn Thành	Thạc sĩ	Giáo dục học	Bộ môn GDTC và QP, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
100	Hoàng Diệu Thảo	Thạc sĩ	ThS Chính trị học	Khoa Lý luận chính trị, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
101	Lê Đức Thiện	Thạc sĩ	Giáo dục thể chất	Bộ môn GDTC và QP, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
102	Nguyễn Thị Phương Thu	Thạc sĩ	Thạc sĩ Triết học	Khoa Lý luận chính trị, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
103	Mai Thị Thúy	Thạc sĩ	ThS Giáo dục học	Khoa Lý luận chính trị, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
104	Lê Thanh Thủy	Thạc sĩ	Thạc sĩ Triết học	Khoa Lý luận chính trị, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
105	Mai Thị Thủy	Thạc sĩ	ThS GDTC-GDQP	Bộ môn GDTC và QP, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
106	Vũ Thị Thanh Thủy	Thạc sĩ	Thạc sĩ Hồ chí minh học	Khoa Lý luận chính trị, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
107	Phạm Như Trang	Đại học	Cử nhân SP giáo dục thể chất	Bộ môn GDTC và QP, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
108	Nguyễn Văn Trường	Đại học	Giáo dục thể chất	Bộ môn GDTC và QP, ĐH Tài nguyên và môi trường HN
109	Vũ Thùy Dương	Tiến sĩ	Kế toán	ĐH Công đoàn
110	Mai Thị Thúy	Thạc sĩ	Kế toán	ĐH Công đoàn
111	Phạm Thị Thanh Thủy	Thạc sĩ	Kinh tế	Cao đẳng Kinh tế công nghiệp Hà Nội
112	Trần Thị Hảo	Thạc sĩ	Kế toán	Cao đẳng Kinh tế công nghiệp Hà Nội

3.8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45÷90 giờ thực tập tại cơ sở; 45÷60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn; khoá luận tốt nghiệp (tương đương 1 tuần liên tục).

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định.

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ).

- Khối lượng học tập tối thiểu của mỗi sinh viên (trừ các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng) trong mỗi học kỳ được quy định như sau: khối lượng tối thiểu không ít hơn $\frac{2}{3}$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn; Khối lượng tối đa không vượt quá $\frac{3}{2}$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn. Việc đăng ký và tổ chức các lớp học phần sẽ học phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình đào tạo.

3.9. Chương trình trong và ngoài nước đã tham khảo để xây dựng chương trình

- Chương trình đào tạo ngành Kế toán, trình độ đại học chính quy, trường ĐH Kinh tế quốc dân

- Chương trình đào tạo ngành Kiểm toán, trình độ đại học chính quy, trường ĐH Kinh tế quốc dân

- Chương trình đào tạo ngành Kế toán, trình độ đại học chính quy, trường Học viện tài chính

- Chương trình đào tạo ngành Kế toán, trình độ đại học chính quy, trường ĐH Thương mại

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG KHOA

Vũ Danh Tuyên

Nguyễn Hoàn